

THANH-NGHỊ!

NGHỊ-LUẬN, VĂN-CHƯƠNG. KHẢO-CỨU

Chủ nhiệm : VŨ ĐÌNH HÒE

TRONG SỐ NÀY :

- Học thuật và hành động TÂN PHONG
- Xã-hội Việt-Nam từ thế-kỷ thứ XVII NG. TRỌNG PHẤN dịch
- Nghề chăn nuôi trâu-bò ở xứ ta NGHIÊM XUÂN YÊM
- Ba câu chuyện của Alain L. H. V. dịch
- Tư tưởng xã hội học hiện đại : Khí hậu và sức khỏe A. A. dịch
- Tâm sự một nhà văn (Nhật-ký của Julien Green) NGUYỄN QUÝ BÌNH và TRỌNG ĐỨC dịch
- Gia-đình và giáo-dục : Vài phương-châm của chính sách giáo-dục dưới thời cách-mệnh Pháp (1789-1794) (bài nổi) TRỌNG ĐỨC
- Đời sống Đông-dương : Việc trợ cấp nạn nhân chiến-tranh về những động-sản bị tổn hại VŨ ĐÌNH HÒE
- Đọc sách mới : Lòng vàng HOÀNG ĐẠO THUY
- Việc quốc tế Đ. Đ. Đ.

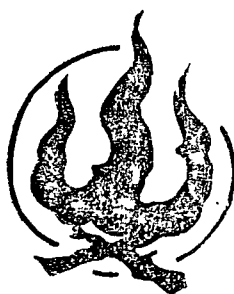
NĂM THỨ TƯ : SỐ 76 — NGÀY 29 JUILLET 1944

BAO THANH-NGHI

THÔNG HIỂU SỰ VẬT VÀ TƯ TƯỞNG — THU NHẬP TÀI LIỆU ĐỂ GÓP VÀO VIỆC GIẢI QUYẾT NHỮNG VẤN ĐỀ QUAN HỆ ĐẾN ĐỜI SỐNG CỦA DÂN TỘC VIỆT-NAM — PHỤNG SỰ MỘT NỀN NGHỆ THUẬT CHÂN CHÍNH.

Trong số 5 Août 1944

- | | |
|---|---------------|
| — Kén chọn nhân tài | PHAN ANH |
| — Những tính cách ngoại lai của Hiến-pháp Trung-hoa. | PHAN ANH |
| Tính sở tính-thần | THÁI MẠC dịch |
| — Từ cuộc bầy tranh Nguyễn-tường-Lân đến câu chuyện bình phẩm | KHINH THANH |
| — Một tài liệu mới về Trần-khát-Chân (<i>Bạn đọc viết</i>). | NÊ LY |
| — Trích thuật sách báo | TRẦN DỨC |
| — Lời vũ (<i>Bi kịch</i>) | DẠNG THÁI MAI |
| — Đọc sách mới: Nguyễn công Trứ. | LÊ HUY VÂN |



NHÀ XUẤT BẢN

— **LU'A** —
HONG

Thư và ngân phiếu đề:
Ô. Nguyễn hữu Đình
92 — Sinh từ — HANOI

Đã phát hành:

SỨC SỐNG CỦA DÂN VIỆT NAM

gồm ba cuộc nói chuyện:

Con đường của Thanh niên Đặng ngọc Tốt
Nguồn sống trong đời đoàn

thể Dương đức Hiến

Sức sống dân Việt nếm qua

ca dao và cổ tích Nguyễn đình Thi

do Tổng Hội sinh viên tổ chức tại rạp Olym-

pia và nhà hát lớn Hà nội và đã được nhiệt

tiết hoan nghênh. **Giá 1\$50**

Đang in: **ĐỒNG VỌNG (IV)** của Hoàng Quý

Tập bài hát lịch sử với các tên ký: Lưu

hữu Phước, Nguyễn thành Nguyễn, Mai văn

Hộ, Hoàng Quý, Hoàng Phúc, Hoàng Độ, Văn

Cao v. v... **Giá 0\$60**

THỜI-ĐẠI XUẤT BẢN CỤC

Số 214 — Phố Hàng Bông — Hanoi

Còn một ít:

TRAI NƯỚC NAM
LAM GI ?

« Bức thư cần kíp gửi cho anh... »

HOÀNG ĐẠO THÚY

Sách tái bản Giá. 2\$50

Lần in đầu bán hết trong một tháng

NGẠM NGÃI TIM TRẦM

Giá: 2\$00

THANH TỊNH

VANG BÓNG MỘT THỜI

Giá: 5\$00

NGUYỄN TUẤN

HỌC THUẬT VÀ HẠNH ĐỘNG

(Gửi cha bạn)

TAN-PHONG

Tôi cũng cộng nhận như anh rằng tất cả sự hành-động của ta phải đi tới mục-đích là đem lại một chút hạnh-phúc một chút ánh sáng cho những lớp xã-hội xau số nhất trong quốc-dân ta.

Đối với tôi sự thay đổi nào mà không đem theo một sự tiến-bộ về xã-hội hay là không làm một điều kiện để sửa soạn sự tiến-bộ ấy, thì cũng chỉ có tính-cách tạm-thời không đáng kể.

Những lớp xã-hội cao hơn cũng có những quyền-lợi đáng lớn-trọng cần phải bảo-vệ, mà chúng ta cũng phải giúp sức vào sự bảo-vệ ấy, cũng như chúng ta phải ủng-hộ tất cả những điều yêu-cầu hay nguyện vọng hợp với công-lý, nhân đạo nhờ-phải và quyền-lợi chung của quốc-dân.

Nhưng sự bênh-vực quyền-lợi cho một thiểu-số chỉ nên coi là một việc phụ, việc chính là làm sao cho đại-đa-số trong xã-hội ta tới được một cuộc đời đầy đủ, « dễ thở », một cuộc đời đáng sống.

* * *

Đề đi tới đích, đó tôi cũng đồng ý với anh rằng ta phải cố-gắng để giác-ngộ nhưng người từ xưa tới nay vẫn quen sống u-mê trong thiếu-thốn, tật bệnh, ngu dốt, cùng những tục-lệ cổ-hủ.

Chỉ có họ mới có thể giải-phóng được họ; mà cũng chỉ có sự ủng hộ của họ thì ta mới gây được một lực-lượng về tinh thần — thứ lực lượng độc nhất mà ta hy-vọng có được, mà cũng là thứ lực-lượng rất quan-trọng trong cuộc thanh-toán mai sau.

Nói như thế tôi không có ý ngộ nhận cái địa vị của những cá-nhân hay đoàn-thể xuất-chúng trong những cuộc thay đổi lớn lao về xã-hội.

Tôi và nhiều người như tôi vẫn thành-thực mong mỗi một cá-nhân hay một đoàn-thể như thế, vì những lực-lượng tán nát nhiều khi chỉ cần một cá-nhân hay một đoàn-thể lỗi-lạc xuất hiện là kết-tinh thành một khối chắc chắn, một sức mạnh.

Nhưng lực-lượng của cá-nhân bao giờ cũng do ở quần chúng mà có. Và chẳng sự ủng-hộ và kiểm-soát của toàn-thể quốc-dân bao giờ cũng là điều-tiện làm cho những người đứng đầu khỏi đi lầm đường — nhất là trong buổi đầu là lúc đầy ắp những sự cảm-đổ và khó-khăn

* * *

« Vì đa số quốc-dân, và bằng sức của đa số quốc-dân », tôi tin rằng chúng ta không thể không đồng ý về chỗ đó.

Đề tin như thế, tôi đã nghe theo tình-cảm tự-nhiên của tôi và tôi đã suy-nghĩ theo thực-tế và căn cứ vào sự thật xảy ra hằng ngày

Còn anh thì anh đã suy, diễn tư một lý thú yêi, một chủ nghĩa đã sẵn có hay là đã tưởng tìm thấy nhẽ ấy trong lịch-sử xem xét theo một quan-diểm riêng.

Điều đó không quan-hệ gì, miễn là ta cùng theo đuổi một mục đích.

Nhưng ta hãy đừng nói đến học-thuật.

Học-thuật khác hành-dộng. Để hành-dộng ta chỉ cần một lòng tin; nhưng học-thuật bắt buộc ta phải có một bộ óc vô-tư, chỉ biết phụng-sự có sự thật.

Một người cổ tìm trong thực-tế, trong lịch-sử những « mẫu » con để vện chứng cho một lý-thu yết, một chủ nghĩa; có thể là một tín-đồ trung-thành và sự cố gắng của họ thật đáng khen — vì « ở đời lết quả không phải là đều cần mĩ chính là sự cố gắng ».

Nhưng họ hãy đừng nói đến « khoa học », đến « học thuật ».

Về phương-diện, này lý-thi chiếm toan-quyền và không thì dung nạp được những dị-doan về tín ngưỡng, về tình-cảm hay về quyền-lợi của cá-nhân hay của toàn thể.

Chỉ theo đỏi có chân-lý và chỉ có đem ánh sáng để soi rọi vào những chỗ tối tăm và phức tạp của thực-tế, học-thuật không thể lệ thuộc vào giả-thuyết hay một chủ-nghĩa nào cả.

Nó phải bao gồm tất cả sự thật, chứ không thể nhận sẵn một luận-diệu rồi chỉ chọn những sự-khiến thích hợp với luận-diệu đó, còn thì không chú ý đến những sự-khiến khác.

* *

Vì quan-niệm học-thuật và khoa-học như thế, nên tôi không thể nào có cảm-tình với những sáng-tác mập mờ, thiên-lệch và nhiều khi buồn cười, vì quá tây vị về một lý-thuyết, mà ít lâu nay ta thấy đầy rẫy trong các hàng sách từ Bắc chí Nam.

Những tác-giả của nó có thể là những người tôi rất mến yêu, nhưng không phải vì thế mà tôi có thể thấy nó có một mấy may giá-trị gì về phương-diện học-thuật.

Không những thế, càng cần-dộng về sự cố gắng và trung-thành của những tác-giả bao nhiêu thì tôi lại càng lo ngại về ảnh-hưởng của những quyển sách, một đôi khi viết vội vàng và luôn luôn thiếu tinh-cách khoa-học ấy.

Trong lúc nền học-thuật nước ta mới bắt đầu xây dựng như bây giờ, nếu người ta lôi kéo nó vào một con đường ngang thì sau này khó lòng nó có thể đi tới một tương lai rộng rãi và tốt-đẹp được. Một ngọn cây mới ra đầu non nếu bị ép theo một chiều thì sao cho sau này khỏi cần cạo được.

Vì thế nên tôi nghĩ về phương-diện học-thuật, phản-đối những lý-thuyết mập mờ, những lập-luận quá thiên-lệch đối với ta cũng là một bổn-phận thiêng-liêng như là bổn phận dùi dặt và cảnh-tỉnh đại đa-số quốc-dân về phương-diện xã-hội.

TÂN PHONG

Xa hoi Việt nam tu' the ky thu' 17

NGUYỄN TRONG PHẤN dịch

BÀI THỨ HAI MƯƠI TÁI

VI) Hành trình của chiếc thuyền «Grol»

Bài thứ hai.

Số tiền năm nghìn công và con lợn được viên võ quan coi thuyền chiến bản xứ và ba văn quan đem đến.

Còn bức thư thì đại ý nói : «qua (trấn hải) rất vui thích thấy có người Hòa-lan đến và chắc Vua cũng rất đẹp lòng : các thương gia sẽ phải trả thuế hàng hóa và thuế bỏ neo, chưa có lệnh cho thì chớ có dỡ hàng vội, nếu trái luật thì tất cả (hàng hóa thuyền bè ?) sẽ bị tịch thu ; không được bầu, một phá, súng thần công nào ; phải hết sức yên lặng.»

Chúng tôi ngờ rằng tất có một cố đạo bồ-đào sui-nền mới có những lệnh này :

Chúng tôi có đại viên võ quan (coi thuyền chiến) và ba văn quan những đồ sau này :

5 tấm jackans to

4 tấm jackans bé,

2 tấm quitasalles to,

2 tấm quitasalles bé,

4 cantabers bé,

6 cái quạt

Các ông nói cho chúng tôi biết rằng tở ở Đàng ngoài nhiều đến nỗi có thể xếp đầy quá ba chiếc tàu buồm. Chúng tôi có nói đề các ông yên lòng rằng những lệnh đã ban ra sẽ được chúng tôi thi hành và chúng tôi không làm hại hay làm thiệt dân; chúng tôi nói có những ý tốt và mục đích thần thiện khi đến đây và hỏi tại sao các ông còn giữ viên phụ tá và người thông ngôn lại ?— Các ông trả lời «hai người ấy đến mai sẽ về với viên quan coi thuyền chiến».

Mồng hai tháng tư.— Hôm nay mồng hai tháng tư, viên phụ tá và người thông ngôn của

chúng ta trở về thuyền với viên quan coi thuyền chiến và hai người thư ký : tuy vậy chớ họ vẫn còn giữ lại một người lính hòa-lan tên là Wolf và một người dân bản xứ. Hai ông Eems (phụ tá) và Strick (tho-g ngôn) đã được đổi đổi tũ tũ : người ta cần vào hai ông xem người Hòa-lan đến làm gì, tự ý đến hay bị phong ba đánh giạt vào ; hai ông gia nhời rằng : «chúng tôi ở Nhật-bản lại ; được nghe đại danh của Vua chúa nhân bên Nhật lại có chiếu cấm dân này không được sang Đàng ngoài, buôn bán nữa nên ông quân lính chỉ hội của thương hội hòa-lan ở bên ấy có phái một chiếc thuyền buôn sang để nhân giao và buôn bán với xứ Đàng-ngoài. Hai ông lại có xin các quan cho phép chừa, tôi được ngược sông và chở theo cả hàng hóa sớm ngày nào hay ngày ấy.

Quan trấn hải thấy tặng vật của chúng tôi do viên phụ tá mang đến ít ỏi quá, trước hết khước từ ý chừng cho rằng không xứng đáng với chức vụ của ông ; nhưng sau cũng nhận, lấy cớ rằng chúng tôi là khách lạ ở phương xa mới đến chưa hiểu rõ phong tục ở đây. Ông lại thể tất quá lòng mong mỏi của chúng tôi : ông bảo chúng tôi ứng cho ông năm trăm bạc để ông mua tơ và quế giúp chúng tôi. Viên phụ tá có trả lời rằng không có quyền riêng để trả lại ông về chuyện đó. Sau rồi quan (trấn hải) lại bảo rằng ông Hartsinck là trưởng đoàn thương mại của chúng tôi nên đến công-đ-ông ông đề bản về việc ấy. Viên phụ tá còn hội rằng thuyền cần áp mạn nhưng phải đủ 15 thước nước mới được mà lòng sông chỉ sâu có mười thước, lại hỏi xem còn có lối nào vào tốt hơn không thì ông trả lời rằng ông cũng không được tường nhưng ông sẽ phái người thành thạo để chỉ đường cho

Nếu thế thì chúng tôi không cần đánh thuyền đến Sche-phay (chắc là những đảo đa ngầm Cheli-pai thuộc về phía đông nam đảo Cát-bà tức là

những hòn Frakaki theo tiếng gọi của người Hòa-lan) và bỏ neo ở khu đảo Roovers eiland (tức là đảo Ile des Pirates) như đã định trước nữa.

Hôm mồng ba tháng 4.— Chúng tôi định rằng ông Hartsinck là trưởng đoàn chúng tôi sẽ đến thăm 'quan' trấn hải về tặng ông một món quà 60 lạng đề nhờ ông tâu ngay lên Chúa Trịnh rằng có chúng tôi đến. Chúng tôi cũng tính giao cho quan trấn hải một nghìn lạng vừa bằng bạc vừa bằng hàng đề ông mua dùm chúng tôi những hàng hóa của xứ Đàng - ngoài vì chúng tôi nghĩ rằng không hy sinh như thế thì sẽ làm ông tức bực mà chỉ kéo giải vô ích cuộc chúng tôi đến thăm ông thôi. Chúng tôi có hai mươi hòm bạc cố giấu không cho ai biết; nên đùn tải xuống chiếc thuyền con trước khi ông Hartsinck chỉ đề một số tiền là hai nghìn lạng bạc bằng tiền nhỏ (Schuitgelo) cho viên chủ thuyền to giữ đề mua hàng - nếu trong vòng một tháng mà viên này không dùng đến món tiền ấy thì phải báo cho ông Hartsinck biết.

Hai ông Hartsinck và Vincent Romeyn chiều nay rời thuyền nhưng (chiếc đồ chở ông) không đi được bao xa vì ngược gió và nước mạnh, đến làng Giang thì phải ghé lại ngủ nhờ một viên thông ngôn người Nhật-bản tên là Guando. Viên này nói vui lòng đem hết sức giúp hai ông lại bảo rằng đem một món tiền to như thế cho quan trấn hải là một việc vô ích vì đã chắc mình được phép vào sông này chưa?— nếu không mà lại phải tìm một bến khác thì mình đã không giao thiệp với y nữa mà vẫn phải mất tiền với các quan Kapados (cai bạ?) khác đến định đoạt việc buôn bán của mình. Ông Guando có khuyên chúng tôi rằng nếu quan trấn hải có nhắc lại chuyện năm nghìn lạng bạc thì chúng tôi cứ giả vờ rằng ông trưởng hội chúng tôi là ông Nicolas Koeckebacker trong bức thư cho quốc chủ đã tường khai những hàng hóa dưới thuyền rồi.

Hôm sau, khi thấy chúng tôi trả lời vậy, thì quan trấn hải không nẫu nỉ nữa.

Ông Guando còn tỏ lòng tốt với chúng tôi là phái người đến báo với người thông ngôn ở Oorusra (?) để nhờ người này lên Kể chợ tức là

kinh đô để tâu với quốc chủ có chúng tôi đến và xin giấy thông hành cho chúng tôi.

Mồng 4 tháng 4.— Chúng tôi rời làng Giang thực sớm, đi ngược sông đến chỗ lỵ sở của quan trấn hải, cách làng Giang chừng 8 dặm đất. Tối một chúng tôi mới tới nơi, được quan trấn sai cả bát âm, đánh trống và đốt đuốc tiếp đón. Đồn có hai trăm lính bồng súng cầm lưới lê sắp hàng theo dọc sông. Ở thuyền xuống, chúng tôi đi thẳng vào dinh quan trấn hải. Dinh làm bằng tre, nhưng quan trấn hải cho bày đặt có nghi vệ lẫm và đứng giữa các thuộc tiêu và chúng tôi chào theo lối Hòa-lan. Diễn văn bắt đầu.

Quan trấn rất mừng được đón tiếp chúng tôi, nhưng xin lỗi rằng công đường thì chật hẹp và mời chúng tôi xuống ngủ dưới thuyền chiến.

Chúng tôi đáp rằng: « Nhận được nghe các thân hữu Nhật bản ca tụng độ lượng và lòng nhân từ của quốc chủ không những đã cho phép tất cả người các nước ngoài đến kiều cư ở đây được buôn bán lại còn che chở và bảo vệ cho nên ông trưởng hội chúng tôi ở bên Nhật, là người thay mặt Quận vương xứ Hòa-lan lại là người thay mặt Ấn-độ Hòa-lan thương hội và đứng chủ trương nên thương mại hòa lan ở Nhật-bản,— có phải chúng tôi sang tận xứ Đàng-ngoài để đem hàng hóa dâng Quốc chủ không.

Chúng tôi là phái viên chứ không phải là khách thăm thương như người Bồ-đào hay Nhật-bản đến đây để buôn riêng đầu. Các chúa và các chủ chúng tôi có như thương điểm ở Ấn-độ, ở Nhật-bản, ở Trung-hoa, ở Cao-miên. ở Xiêm la vân vân: ở đâu chúng tôi đều giao dịch và đi lại từ tế với các quốc chủ cả. Vậy chúng tôi xin quan lớn cho phi báo ngay với quốc chủ có thuyền chúng tôi đến. Nếu quốc chủ cho phép thì đoàn thuyền chúng tôi sẽ ngược sông mà lên. Chúng tôi lại tường quan lớn rằng ông trưởng hội chúng tôi đã ra lệnh cho chúng tôi phải đánh thuyền vào sông nhưng vì lòng tàu thì sâu và sông thì nông nên chúng tôi buộc lòng phải đỗ lại một bến xấu ở đảo Frakaki. Chúng tôi lại tường rằng

(Xem tiếp trang 26)

NGHỀ CHĂN NUÔI TRÁU BÒ Ở XỨ TA

NGHIÊM XUAN YEM

Ở xứ nhà có đủ điều kiện khiến nghề chăn nuôi trở nên thịnh vượng được không? Nghĩa là có đủ đồng cỏ không? có những giống trâu bò tốt không? Và sau khi đã chăn nuôi được nhiều thì những thị trường tiêu thụ súc vật có sẵn không?

Câu hỏi cuối cùng này đã được trả lời ngay từ mấy kỳ trước. Chúng ta đã nhận rõ ràng thấy những nỗi thiếu thốn trâu bò ở xứ nhà. Vậy ta chỉ cần lo sao cho có được nhiều bò cày, trâu kéo để nông-dân đủ dùng (thứ nhất ở trung châu), để đủ cung cấp cho các ngành kỹ-nghệ; ta chỉ cần lo không thêm được trâu bò làm thịt, để dân gian khắp mọi nơi có thịt đủ ăn, làm hồ cho tắm than cường tráng. Đông-dương đứng vào hạng thứ nhì trong các thuộc địa bán nhiều da trâu bò cho Đại-pháp. Trước hội kinh-tế khổng khoảng Đông-dương bán ra ngoài mỗi năm trung bình 2 vạn tạ da khô, trị giá 2 triệu bạc

Xem vậy thì ta chẳng cần phải lo không có thị trường, ở trong nước và ở hải ngoại, để tiêu thụ trâu bò của ta, ta hãy chuyên lo sao cho được nhiều trâu bò tốt và lo lỗ-chức lại, sau thời kỳ chiến tranh này, việc buôn bán với nước ngoài cho có qui-cử, có kiểm sát hẳn hoi,— thứ nhất sự khám xét bệnh tật.

Song muốn gây cho xứ mình có một đàn trâu bò nhiều gấp 3, gấp 4 bây giờ để bên trong đủ dùng và mong còn thừa bán ra ngoài thì trước hết ta hãy phải nghĩ tới thức ăn để nuôi loài vật nghĩa là phải tìm kiếm đồng cỏ hay đồi cỏ để thả trâu bò.

Ở Trung-châu, vấn-đề đồng cỏ cực kỳ khó giải quyết, như tôi đã có dịp nói tới. Tôi xin nhắc lại rằng chỉ hao giờ dân số đường suôi được san

sẽ bớt đi mọi nơi khác, và nghề nông được tiến bộ dân-quê đủ thóc gạo nuôi ta ăn, để có thể nhường lại cho súc-vật một phần ngô, khoai, và trong mỗi xứ có thể bớt ruộng cấy lúa ra gây lấy chừng dăm ba chục mẫu bãi cỏ, thì trung châu mới mong gây thêm trâu bò quanh năm, qua được những tháng khô hanh đồng cỏ không cỗi lại. Nhưng ngày đó còn xa xăm lắm, và còn phải chờ đợi ở nhiều việc cải cách sáng suốt, nhiều sự cố gắng quả quyết. Hiện nay ta chỉ có thể hi-vọng mở-mang nghề chăn nuôi ở các miền đồi, núi, cao-nguyên nhất là vùng trung-du, tiếp giáp ngay với trung châu rất tiện việc cho tải những đàn trâu dững-mãnh đàn bò béo tốt về đường suôi ứng dụng.

Ở những nơi ấy, sân đất rộng cỏ tốt, lại thường có suối, có thung-lũng sâu, nước đọng quanh năm đủ cho trâu bò uống. Ăn với uống là hai việc tối cần cho đàn trâu bò. Chính nhiều nhà chăn nuôi đi lập đồn điền cũng có khi quên dự tính đến vấn đề nước uống cho thuận tiện, khiến trâu bò cứ phải hàng ngày đi từng chục cây số mới đến chỗ có nước. Như vậy về mùa hè, súc-vật chỉ những chạy đi tìm nước cũng không thể béo được.

Ở Bắc-kỳ, chẳng cần phải đi xa xôi gì lắm, nếu chúng ta theo những con đường thuộc địa số 1 từ Bắc-giang trở lên, con đường thuộc địa số 3 từ Đa-Phúc trở lên, ... chúng ta cũng đã nhiều khi bắt khoản suy nghĩ trước những dãy đồi trùng trùng điệp điệp, chạy dài xa xa hai dọc đường. Trên các đồi trụi ấy, có thể giồng giọt gì được chăng? Trái năm này sang năm khác, mưa lũ cuốn trôi đất mầu xuống các lũng sâu; ngày nay còn cho một lần đất sỏi đỏ. Cui những giống cỏ có rễ ăn sâu chẳng chịu mọc mới bám vào đó được,

1) Xem T. N. số 65 và 70

Nếu chúng ta đi quá lên giữa miền thượng-du rễ xâu vào hai bên đường cái, chúng ta sẽ gặp những khoảng «rẫy» cửa thồ dân đốt để cấy mố tra bắp trồng sắn một hai năm rồi bỏ hoang Ở đó, hoặc mưa lũ cũn đã đánh cho đất, sỏi, hoặc mặt trời mùa hạ đã thiêu đốt âm-ỷ hết chất mùn (humus) hoặc cỏ gianh, lau, sậy, gai góc đã lẩn lúp rất mau, đất màu chẳng bao lâu bị kiệt sức. Chẳng lẽ những đồi cỏ liên tiếp kia, những khoảng «rẫy» hoang bao-la nọ, lại đành chịu để bỏ phí? «Tắc đất, tắc về g»: Tại sao ở những miền ấy lại không thể lập được những đồn điền chăn nuôi rộng từ ngàn mẫu trở lên?

Trên các đồi trụi và «rẫy» hoang đó, hiện nay tuy cỏ xấu, cằn cỗi, phần nhiều là những thứ cỏ có thân cây đâm xâu xuống đất tựa như rễ (herbes à rhizomes), thí dụ loài cỏ gianh. Những loại cỏ ấy khi mới mọc thì các chất bồi, chứa sẵn ở «rễ» bị rút đem lên nuôi mầm, nhá nh non. (Những rhizomes không phải là rễ: nhưng dân quê đã quen gọi là «rễ», vậy xin tạm dùng chữ đó). Trái lại, đến lúc cỏ già thì những chất bồi lại được thu chứa vào trong rễ, để đợi kỳ mưa xuân năm sau sẽ đem nuôi mầm lá mới mọc. Vì thế những giống cỏ ấy sống rất giai giãng; một màu rễ cũng này mầm thành bụi cỏ lớn mau chóng. Hơn nữa, một khi đồi bỏ hoang, bao nhiêu cỏ đều ra hoa cả. Hạt cỏ sẽ theo chiều gió bay tứ tung, nên chẳng bao lâu, những giống cỏ khác yếu hơn đều bị lấn lóp đi. Phần nhiều những cỏ mọc yếu lại chính là những cỏ tốt, trâu bò thích ăn.

Nhưng, nếu ta có một đàn bò thì những đồi và rẫy hoang ấy rất có thể không đến nỗi để vô dụng. Bắt đầu ta hãy thả đàn bò trên một quả đồi suốt trong một tháng. Đàn bò bắt buộc phải ăn tạm những cỏ xấu, Sang tháng thứ hai, ta cho súc vật đi ăn nơi khác, thì cỏ bị ăn trụi đi lại lất đầu mọc. Khi ấy, bao nhiêu chất bồi chứa trong rễ cỏ sẽ bị đem lên nuôi thân cỏ và mầm lá. Qua tháng thứ ba, đàn bò của ta quay trở về nơi cũ. Kỳ này chúng lại ăn hết lượt cỏ non mới mọc. Cỏ non bị gặm sạch, không kịp ra hoa; giống cỏ đó không thể sinh sản ra nhiều hơn kỳ trước nữa. Nếu cứ

một kỳ nghỉ cho cỏ non mọc, lại tiếp tục một kỳ cho súc vật đến ăn thì chẳng bao lâu những chất bồi chứa ở rễ cỏ sẽ hết đi, vì đã phải luôn luôn đem ra nuôi cỏ non mà không được chứa chất thêm vào. Một khi cỏ không thể ra hoa được và rễ cỏ bị kiệt sức dần dần thì giống cỏ xấu xí ấy tất nhiên tự tiêu diệt đi, nhường chỗ cho những giống cỏ khác tốt hơn để trâu bò ăn. Phần ai đã làm đồn điền trên mạn ngược tất cũng thường nhận thấy rằng hễ nơi nào có cỏ gianh thì các loại cỏ khác không thể lên vào được. Nhưng nếu cứ cỏ gianh non mọc tới đầu thì cho cắt trụi tự nhiên cỏ gianh dần dần ít đi mà những cỏ màu rất tốt mọc ra (cỏ chỉ trắng, cỏ kê, cỏ gà, cỏ màu trâu, cỏ gạo, cỏ mặt...). Vậy đáng lẽ tốn công của cho cắt, thì nay ta cho trâu bò ăn những cỏ gianh non, chẳng cũng tiện hơn nhiều rư? Và chẳng, thả trâu bò ở đâu thì phân và nước giải súc vật lại bón cho đất-miền là dùng để nhiều và ở lâu quá trên một khoảng đất hẹp khiến đất bị dày séo quá, lắm khi biến thành chất đá ong (latérite). Nếu sau khi trâu bò đã ăn hết một lượt cỏ xấu đầu tiên ta lại có thể cho cây sâu úp đất, trước mùa mưa, thì những trái đồi cỏ cằn cỗi kia rất có hi-vọng trở nên những đồng cỏ tươi tốt.

Vì trong lúc bắt đầu, cỏ còn xâu, nên ta phải tính cho mỗi con trâu, bò ít ra đi gặm 3 ha đồng cỏ rồi càng ngày cỏ càng tốt thêm thì có thể thu dần lại mỗi con 2 ha cho tới mỗi con 1 ha. Tôi nói ít ra phải 3 ha cỏ là vì ở xứ mình có mùa rết, cây cỏ khô lại trong 3, 4 tháng, và thường thường trong một đồn điền chăn nuôi rộng hàng vài nghìn mẫu trở lên người ta còn phải trừ những nơi có suối, lạch núi đá, bụi rậm... nên eo hẹp phải để cho mỗi con bò tới 5 ha mới đủ an quanh năm.

Rồi ra, một khi tất cả những đồi cỏ, đồng cỏ đều chỉnh-dốn, bao nhiêu thứ cỏ xấu, chỉ ăn lại chất màu, khiến sức đất tốt chóng kiệt, mà không ích gì cho gia-súc, đều đã tiêu-diệt đi hết nhường chỗ cho các giống cỏ tốt để trâu, bò ăn, thì mỗi con không cần tới 1 ha cỏ, và ta còn hi-vọng rằng lúc đó nghề chăn ruồi xứ nhà sẽ đã tiến được một bước dài để các nhà chăn nuôi và dân quê có thể nghỉ tới và thực-hành cách phơi cỏ,

cứng nên cỏ (ensilage), từ mức nửa cỏ đương tươi tốt, để giành cho súc-mục ăn trong mùa đông, khô khan, giá rét. Chẳng những thế, khi đó ta còn ước mong sẽ được thấy ở nước mình có những khoảng đồng rộng bao la, xanh mướt cỏ para (1), hoặc các thứ cỏ thuộc loại légumineuses, những thứ này giống vừa tốt đất vừa là các thức ăn bổ hơn mọi giống cỏ thuộc loại graminées. — (Hầu hết những thứ cỏ vẫn mọc tự nhiên ở xứ ta đều thuộc loại này)

Song đó là một ước vọng về sau. Ngày nay, ta chỉ nên bắt đầu bằng lối dẫn-dị, không tốn tiền, cần rất ít nhân - công, dùng những đôi cỏ tự nhiên, chập trùng chạy ngang dọc khắp các miền trung, thượng-du. Muốn thực-hành cách chăn nuôi ấy, phải xin được những đồn - điền lớn, hàng dặm tằm, hoặc nghìn mẫu trở lên (2); phải lập một chương-trình, đem chia đồn - điền thành nhiều khu, và dần dần làm nhiều tốp. Thí dụ :

1-) Bò cái nuôi con, bò chữa và bê non.

2-) Bò đực, bò thiến và bê lớn.

Trong một khu, cỏ mới mọc được chừng hai tháng, ta hãy cho thả-tốp thứ nhất để chúng bú trước lấy những cỏ non và ngon. Sau 15 ngày cho tốp ấy sang khu thứ nhì và cho tốp bò đực, bò thiến ăn kế tiếp vào trong khu nhất. Chừng độ nửa tháng nữa, cỏ ở nơi này đã bị gặm trụi hết, bèn cho nghỉ, và luân chuyển những tốp bò đi khu khác; cần phải cho súc-vật ăn thực trụi lượt cỏ ở từng khu. Nếu không chúng sẽ chỉ gặm lấy những cỏ ngon. Bao nhiêu cỏ xấu đều để già, ra hoa; hạt cỏ theo gió bay tung, reo rác giống khắp bãi và chẳng mấy thời giờ sẽ mọc chum lấp những thứ cỏ tốt đi.

(1) Cỏ para thuộc loại graminées, đã được đem vào Bắc-kỳ từ 1887, Sở Thú-Y đã trồng thí-nghiệm. Cỏ mọc cao tới 2m. Hàng năm cắt được 5. 6 lần. Trâu, bò rất thích ăn cỏ para tươi, nhưng khô, thì chúng không chịu ăn.

(2) Ở Phi-châu, có những đồn-diễn chăn nuôi rộng từ 20.000 ha, 60.000 ha, và 100.000 ha, cũng dùng lối chăn nuôi này, nuôi từ 3, 4000 súc-vật trở lên.

Như vậy, nếu đồn-diễn chia làm 4 khu thì có sau 2 tháng dần dần sẽ trở về khu thứ nhất. Mỗi khu bị ăn hai lần trong một tháng: lần đầu, tốp bò mẹ, con ăn lượt cỏ ngon, lần sau, tốp bò đực, bò thiến gặm cho trụi nốt hết cỏ. Trên đây, chỉ là một thí-dụ. Chở chương-trình ấy còn phải tùy theo địa-chất, khí-hậu, địa-thế... nơi lập đồn-diễn. Cốt nhất, trong một khu, cỏ phải đủ thì giờ mọc và đừng để già. Cần phải cho trâu, bò đến ăn trước khi cỏ sắp ra hoa. Vì lúc đó là lúc trong cây cỏ chứa nhiều chất bổ nhất. Nếu cỏ đã đâm hoa, có hạt thì súc-vật không thích ăn nữa, và cỏ cũng ít chất béo bổ đi. Lại phải nhớ rằng những khu nào chum nhất, thường có nước đọng về mùa đông thì nên dự tính cho thả súc-mục vào đó, khoảng gần cuối mùa mưa, từ 2, 3 tháng sau, sang kỳ khô hanh, trên các khu cao, cỏ đã lụi, ta dồn bò xuống nơi thấp ấy thì chính lúc cỏ cũng vừa ăn.

Cách chăn nuôi này có thể thực-hành ở các tỉnh trung-du, thượng-du xứ Bắc, và ở các cao nguyên Trung-kỳ, Cao-miền, Ai-lao.

Ở Bắc-kỳ, các tỉnh Sơn-tây, Phú-thọ, Thái-nguyên, Sơn-la, Lạng-sơn... còn biết bao nhiêu đất đai để phân cho các nhà chăn nuôi để mở mang và để cho dân quê tìm nguồn-lợi, mà hiện thời bỏ phí (3). Tôi thường gặp các chủ đồn-diễn vùng Thái-nguyên, Yên-báy, phản nản rằng nhân-công đã hiếm và đắt đỏ, mà cỏ trong đồn-diễn thì mọc nhanh quá sức. Những loài chè, nương sắn, soi dâu, dổi ngô, vừng, hay mía... đều phải luôn luôn làm cỏ. Chỉ để chằm vài ba tuần lễ, cỏ đã chum lấp cây cối. Bởi thế nhiều đồn-diễn còn đương khai thác rở rang, không dám phá rừng nữa, e rằng phá xong rồi không tìm đủ nhân-công để giống giết, bèn đem và cắt tỉa làm cỏ. Trong trường hợp ấy nếu người ta nghĩ đến việc chăn nuôi: có lẽ thấy được nhiều điều thuận tiện: cỏ tốt sẵn-sàng cho súc-vật ăn, nhân-công tuy hiếm và đắt, nhưng một đàn trâu, bò không cần

(3) Sở Thú-Y Bắc-kỳ đã có đặt mấy trại chăn nuôi ở : Nước-Hai, nuôi ngựa, (Cao-bằng); Mộc-châu (Sơn-la); Cao-phong (Hòa-bình) Văn-mộng (Sơn-tây).

đời nhiều nhàn-công bằng giồng giết ; không phải lo cày vên-đề làm cỏ nữa, cỏ càng mọc mau tốt cho vật ăn thừa trong mùa mưa thì ta càng dễ cho cái đem phơi đi giầnu sạch mùa đông. Một số ít người Âu đã thực-hành loi chăn nuôi dùng đốt cỏ mọc tự nhiên ở Sơn-tây, Phú-lý, Thái-nguyên. . . Họ đều có kết quả. Riêng người Nam mình, các nhà tư-bản sẵn đủ tiền gây một đàn trâu, bò, chưa ai nghĩ tới.

Ở xứ Trung, những cao - nguyên Darlac (800.000 ha), Plakou (300.000 ha) v. v. . . đều là những bãi cỏ bao-la, cách xa đường xe-hỏa không quá 200 cây số, sẵn sàng đợi những đàn trâu, bò đông đúc và đẹp đẽ. Sang tới Cao-miền và Ai-lao, ai đi theo con đường thuộc-địa số 13, chạy song hàng với sông Mekong, từ biên-giới Nam-kỳ (vùng Lộc Ninh, Budop lân cận sang địa-giới phía Nam Trung-kỳ mà người Pháp thường gọi là Plateau des Herbes, 100.000 ha), rồi qua Kratié, Stung-Treng, Paksé, lên tới Cao-nguyên Bolovens, qua

Paksong, Saravane, đều sẽ nhận thấy toàn những đồng cỏ rộng mênh-mông, điểm những cụm rừng dipterocarpées, thưa thớt (savanes herbeuses à dipterocarpées), tổng cộng diện-tích có tới ngoài 12.000.000 ha. Đó là những giồng-sơn để dành riêng cho người có óc chăn nuôi. Trước đây dăm năm, tôi có dịp năng đi lại trên những quãng đường từ đồn-diễn di-dân Bolovens (Ferme de colonisation des Bolovens)—Paksong-Saravane, vẫn hằng tiếc rằng đã có những đồng cỏ tốt bát ngát ấy mà đường lối giao thông chưa được tiện (cách Saigon gần 700 cây số ; những con đường đất nối Saravane với Savannakhet, Thakhet rồi về Đông-Hà. Vinh, khi ấy, còn xấu lắm ; đến mùa mưa không đi lại được, và cũng giải từ 500 cây số trở lên). Ở những chốn xa xôi ấy, tất nhiên kỹ-nghệ đóng đồ hộp (thịt ướp, sữa. . .) sẽ phải mở mang theo với nghề chăn nuôi.

(Còn nữa)

NGHIÊM XUÂN YÊM

THU XA * ALEXANDRE DE RHODES *
mới xuất-bản

TRÚC ĐỈNH dịch thuật

Lên cung trăng

Voyage autour de la Lune của Jules Verne

220 trang khổ 17 × 23, bìa 3 màu và 26 bức phụ-bản của Mạnh Quỳnh vẽ.

Bản giấy thường 4\$00 — cước 0\$60

Bản giấy Đại-la 12\$00 — cước 1\$00

Đồng phát hành :

MAI LĨNH

21, rue des Pipes, HANOI

NOUVELLE TRADUCTION

DU

Kim Vân Kiều

của M. R.

— Một bản dịch Pháp-văn lột hết tinh-thần cuốn « Đoạn Trường Tân-Thanh ».

— Một cuốn sách quý cho bạn yêu thơ, yêu văn.

Đã in mỹ-thuật có hạn

150 trang khổ 17 × 23

Bản giấy thường 6\$00 — cước 0\$60

Bản giấy Đại-la 10\$00 — cước 1\$00

BA CÂU CHUYỆN CỦA ALAIN

L. H. V. dịch

Alain là một nhà văn thế nào? hanh Nghi đã từng nói tới (số 49 ngày 16 Novembre 1943). Kỳ này xin lại đăng mấy câu chuyện của tiên sinh về nghệ thuật diễn ở tạp chí « *Pháp Lan tân tạp chí* » (*Nouvelle Revue Française*) ngày 1er Septembre 1939 số 312. Đề các độc giả thưởng thức cách lý luận đột ngột của nhà văn này. Dịch giả đã hết sức giữ nguyên điệu mà không để hại tới phần sáng sủa.

I

Nghệ-thuật của kép kịch

Nghệ thuật nào cũng có bí quyết riêng, nhưng nghệ thuật của kép kịch có lẽ bí ẩn hơn cả. Thoạt mới nghĩ, mà nghĩ như thế thật nhảm to, thì người đóng kịch phải có hình dáng một người thật đương gian dữ, kinh-khủng hay thất-vọng. Nhưng kìa thì chả dăm dị như thế. Ta đi đến rạp hát như đi dự lễ *messe* của đạo Gia-Tô; cốt nhất là hài trí mà vẫn giữ được ý nghĩa; khán-giả thấy cái gì làm họ ngạc nhiên, cái gì không được rõ ràng, cái gì dữ dội thái quá là cũng công-phần hay hồ thẹn; thế rồi, cũng là, phản động tự nhiên, họ cười ò lên.

Guityry đóng vở *Ông Piégeois* tìm được một dáng điệu y như thật. Ông vốn phải lôi kéo một gã hoàn toàn thất-vọng ra đi, và cố làm cho hẳn hi vọng lên một chút; ông bèn đội vào đầu hẳn một chiếc mũ dạ; gã kia dễ mặc tự nhiên như vật vô hồn; đáng thì cử chỉ đó phải làm cho khán giả cảm động lắm thì phải; nhưng chiếc mũ lại đem đội lệch thành cả rạp cười ò. Đó thật là một dấu-hiệu nhiều nghĩa quá, cũng nguy hiểm như nửa câu thơ trứ danh ở miệng một bà công chúa nói ra: « Il m'apelle à régner » (1) Thi sĩ nhảm. Vào rạp hát không nên để cho khán giả hiểu được nhiều cách khác nhau.

(1) Câu thơ đó chính nghĩa là: « Người ta mời tôi lên ngôi báu » nhưng vì lơ lớ, khán giả có thể hiểu là: « Tên hẳn là con nhện ».

Mounet Sally trong vở *Œdipe* khéo dàn xếp bộ điệu của mình nên làm cảm động khách xem đến cực điểm. Nhưng trong vở *Hamlet*, ông ta, lúc ra trò, mới nghĩ lấy cách dơ tay dơ chân, thành ra có lúc làm cho khán giả phì cười. Ai cũng cảm thấy rằng để cho một vai trò thật quả dân dữ, thật quả buồn rầu, lên sân-khấu là một điều vụng dại. Chỉ là tại các dấu hiệu tự nhiên để tả các tình cảm con người đều có nhiều nghĩa cả; một kẻ dương lúc tình động lên cực điểm, thật như đồ, mà khán giả cũng lấy cái đồ ấy nổi.

Chưa thí-nghiệm được điều đó ở rạp hát. Nhưng ở các cuộc hội họp công cộng đã có lần rồi, nhất là lúc một diễn giả đầy lòng căm hờn hay tức giận, làm say mê được các người đến dự. Lúc đó, mới hiểu rằng lối hùng biện lấy tự nhiên làm gốc thật chẳng có mãnh lực gì nào. Đầu tiên, tại người ham mê nói nhanh quá, không ai nghe kịp. Sau nữa, cử chỉ cho chí nét mặt không dãn xếp trước, vẻ người thành giống in một trang sách lắm chữ đề lên nhau, độc giả mỗi người hiểu một lối; tình cảm không giữ được duy nhất nữa; mỗi khán giả tự đặt lấy cách thưởng thức của riêng mình, hoặc khen, chê hay chế nhạo. Rút cục cái cười thẳng thừng để sủa bớt lòng công-phần, vì đó là một tình vô lý mà khó chịu nữa. Cứ xem như trên thì hiểu một tay hùng biện, một tay kịch sĩ phải như thế nào. Cả hai nghệ-thuật cùng phải theo một luật chung, là làm thế nào cho người ta nghe hiểu; dù là thiên tài cũng phải chịu ép một bề. Lại cũng vì thế mà đoán được rằng các nghệ thuật có độc đo các nghệ thuật công cộng uốn nắn mà ra, như hùng-biện, kịch hát. Chính quần chúng đã đặt luật lệ cho cách diễn tả; chính vì các dấu hiệu bị họ đuổi bắt giờ lại mà các dấu hiệu thêm trong xuất. Cũng như thơ và nhạc, ở sân khấu ra, vẫn gần nhần tính hơn. Cố nhiên rằng kép kịch có thể nhờ nhà hùng biện, mà học thêm nghệ thuật đề

nén bớt các tính tình tưởng tượng của mình bởi vì nhà hùng-biến thường cảm được thật nhiều tính tình mãnh liệt, mà phải cố đè nén đi, chỉ để cho lòng mình do một sức cảm động mực thước, nhịp nhàng chỉ phối mà thôi; cảm động đó thường gọi là nên thơ đó. Người kếp kịch cũng phải tìm thấy điệu hát của riêng mình, mà chớ có bắt chước câu chuyện nói hàng ngày để tìm giọng tự nhiên. Trái lại, họ đáng lẽ kêu thì phải hát, đáng lẽ động đậy thì phải múa. Cử động ở sân khấu chính là múa chớ không phải cử động. Giơ con dao đâm một nhát cũng có một điệu riêng. Nguyên-lý ấy ai nấy quên hết rồi, nhưng, may sao, còn có vài người say sưa kịch hát, hết sức cảm phục các vở bi kịch trữ danh, còn dạy lại cho đời những kết quả của nguyên lý ấy. Kết luận, tôi cho rằng các vở bi kịch đó là trường dạy cảm động, dạy yêu, dạy khinh-bĩ và dạy đủ các tính tình.

II

Điều khắc có hội-họa thêm vào

Người ta thường tự hỏi sao cái phong trào lấy hội họa thêm vào điều khắc lại không bền. Có lẽ vì hai nghệ-thuật đó không dung nhau trong phần cốt yếu. Nhà hội họa muốn chi? Trong trăm nghìn ấn tượng giữ lấy một: chẳng phải hẳn là một ảnh thơ ảnh màu, biết chọn lúc chụp; có dẫn đi thế đâu. Cũng như trong các nghệ thuật khác, phải có một lối riêng, nghĩa là phải có một cách diễn tả đúc đặc lại, làm cho người ta phải để ý đến hơn là để ý đến vật có thật. Nhưng rút cục lúc tác phẩm hoàn thành, cũng là ấn tượng của một lát thành lâu dài, khán giả muốn xem tới lúc nào cũng được, có thể nghiền ngẫm lâu la. Bức danh họa *Joconde* (1) lúc nào cũng nụ cười ấy. Một bức họa phong cảnh lúc nào cũng vẫn mùa ấy, giờ ấy. Khi khách xem tranh đổi chỗ ngắm, thay ánh sáng chiếu vào, chẳng phải để tìm một ý nghĩ mới cho tranh; nhưng để nhìn xem tranh thật thế nào; để hưởng ấn-tượng độc

nhất, vĩnh viễn và mãnh-liệt; để cho không mất một vẻ nào. Một bức họa chỉ có một cách nhìn.

Một pho tượng thì có thể nhìn muôn nghìn cách; một tòa lâu đài, cũng thế. Đi một bước trong tòa nhà thờ, ngai sẽ thay đổi hết. Trước mặt ngai, là một vật hiên nhiên, chớ chẳng phải một ấn-tượng của một vật, bị giữ lại. Một bức họa có thể vẽ cảnh trong nhà thờ với những đường cánh cung giao kết; nhưng nếu ngai vừa đi vừa ngắm tranh, đẩy cột chẳng theo ngai mà đi; nóc nhà thờ chẳng có cái vẻ linh động lạ lùng ấy; vì, đó là điều đang đề ý, kiến trúc thay đổi mà hội họa vĩnh-viễn. Một bức tượng, ngai có thể nhìn muôn nghìn cách khác nhau mà có dính líu tới nhau, tùy động tĩnh, tùy ngày giờ. Nhà thờ là một bức họa mà năng tô màu nghìn cách. Bình minh, trưa, hoàng hôn, bốn mùa-đều có diễn tả trong đó. Cho nên quy luật trong nghề, là chỉ dùng một màu; những vật trang hoàng có màu sắc phải thật ít. Thời gian mới là người bôi màu cho pho tượng. Cho nên hai nghệ-thuật đó tự không dung nhau mà cố nhiên là cái gì làm cho ấn tượng nhất thời than vĩnh viễn tất bị thải như một lối xếp đặt nhất định, mãi mãi màu sắc.

Nhạc, múa, thơ, hùng biện hợp thành một toán thứ ba đối đầu với hai nghệ thuật trên kia. Trong bọn này, vật và ấn tượng cùng nhau chạy trốn. Chẳng phải đến phần người nghe hay người chơi dừng lại, tiến lên, đảo bước hay chậm lại. Không có lúc nào là có một toàn thể hết. Tác giả muốn cho lâu chừng nào thì ấn tượng lâu chừng nấy. Chẳng phải như hội họa mà ấn tượng đợi mình để mình nghiền ngẫm thưởng thức. Chẳng phải như kiến trúc hay điêu khắc mà vật còn nguyên, trong lúc ta rút ở đó ra muôn nghìn ấn tượng ta muốn.

III

Lấy âm nhạc thay tư tưởng

Chiến tranh hồ xong họ đã xô đến âm-nhạc. Tôi còn nhìn thấy họ ở Trocadéro, mặt in nét tang thương đau đớn. Họ đến đây để học lấy cá

(1) của L. M. (lời người dịch chú thích)

sống ; tôi cũng vậy. Tâm trạng con người trong mấy năm kinh khủng đó ra sao, chẳng ai là có thể biết rõ hết. Cảm-súc mạnh quá, cái nọ liên tiếp cái kia, có lẽ theo luật của mỗi một căn phải có gì thể vào. Nhưng dù sợ, kinh, hân học hay phấn khởi, hay nghiêm khắc, ai cũng để lòng mình tự nhiên bằng bột, đối với mình không còn giữ chút e dè. Thành ra trong hồi chiến tranh, vì tư tưởng toàn ti-liện, mà nét mặt nào cũng đều một lượt ghê tởm.

Ở trong quân đội, tôi đã đề ý nhận những ý nghĩ đột ngột, không chừng mực, điên đảo, thất-thếu. Tôi cho rằng ở trong nhà binh vì hành-động không nhận giải' đối, nên ta nhìn rõ những ý nghĩ đó hơn hết ; chỉ biết trong đám vô nhân, chỗ tôi hằng ngậm điếu hút thuốc ý nghĩ đều bất thành linh bật ra, dữ dội, méo mó tùy rung động và tài sức của thân thể. Rồi họ tính toán tương-lai, dự tưởng thật sững với cảnh hiện-tại đẹp đẽ này :

« Đánh phải đi đánh trận này ; tao chết thì tao phải chết ; nhưng đến trận sau thì đừng hòng có tao. » Hay quát khởi : « Nếu chỗ nào cũng cứ công phá cùng một lúc, cứ thẳng mà tiến thì quân giặc phải tan ngay họ còn đợi gì ? ». Cùng một người mà cùng nói, cùng nghĩ những điều đó, lại còn những chuyện khác nữa chứ. Nhưng hẳn có thật nghĩ như thế không ? Quân quai chẳng bao giờ thành một tư tưởng. Hai quân quai trái ngược nhau chưa bao giờ sinh ra một sự thật, dù nhỏ đi chăng nữa. Chỗ nào cũng thái quá. Thái quá trong thân thể khốn nạn con người mà phần tử nào cũng bị hăm dọa. Cũng một đạo quân mà người ta đã thấy thái quá với quân giặc, thái quá với cả chủ tướng. Anh chàng ngồi trong ghế bành theo dõi trận mạc, tôi cho cũng như thế. Cũng thái-quá, tuy dè dặt và thông thả, nghĩa là cũng không chừng mực. Chính tôi cũng vậy, tuy đa nghi hơn, bả tiện cử chỉ hơn ; quá buộc tội, quá khen ngợi ; cũng là không chừng mực.

Họ đến nghe âm-nhạc của Beethoven hay Wagner để tìm một thứ và họ đã toại-chí. Họ tìm một quy-luật bên ngoài để cảm-súc ; một quy-luật bất di dịch. Giận, yêu, tha-thứ, hoạt-động và nghỉ

ngoi ; câu đố và nhời giải ; run rẩy, khóc lóc, êm dịu, từ biệt, xa vắng và lại hoàn. Nhưng là họ tìm tất cả những cái đó đã có tay thiên-tài xếp đặt, an bài theo dịp của nhân-loại lúc này đã quân bình và hòa vui ; tùy sức mạnh, tùy lòng can đảm và tùy sự yếu hèn. Bao nhiêu dao-động có xếp đặt quy củ ấy sinh ra một tư-tưởng ; nhiều kẻ khóc và tự nhận rõ chân bản của mình. Tôi ngày xưa, đọc sách thấy nói Beethoven là nhà tư-tưởng cao-xiêu nhất của thời-đại. Hém đó thì tôi hiểu.

Tôi thấy rằng bảo âm-nhạc diễn-tả tính tình là không đủ. Còn phải bảo âm-nhạc tạo ra tính cảm. Cảm súc mà không ở trong hỗn độn thì thật khó ; nhất là những kỷ-niệm của người chiến-sĩ thì không thể tìm được trong quang-dương ; những kỷ-niệm đó ra ngoài con đường thật và đẹp mà ái-tình khó khăn mới đi nổi. Thì nên hiểu rằng không có thi-nhân tất ta không khóc nổi những giọt nước mắt êm dềm. Ở đây thi-lhân tức nhạc-sĩ. Vậy chính nghệ-sĩ cứu vớt giống người ; nhờ họ người có thể cảm giác như người ; ngày đó thì một người dân Đức có thể đến đây được ; họ là một người, thế là đủ rồi. Nhưng khổ thay, những phút thần-tiên đó chẳng được lâu. Nếu không cái gì dễ dàng hơn là giao hảo với cái dân tộc có nhiều khiếu âm-nhạc ấy ?

ALAIN

HÀN MÃC TỬ

THƠ

IN ĐẸP — BÌA BA MÀU — TRANH CỦA PHẠM TÚ

Giá mỗi cuốn : 5\$00

Mua lẻ thêm được 0\$30 — Không gửi lãnh
hóa giao ngân — Mua buôn được trừ 25%.

Xin do nơi :

Ong HOÀNG TRỌNG MIÊN

— 200, đường Pellerin, SAIGON —

SẼ RA :

Mùa xanh

Thơ của HOÀNG TRỌNG MIÊN.

Khí hậu và sức khỏe

A. A. dịch

Trong những chương trên, tôi đã bàn qua những hiện tượng xã hội có liên quan một cách rõ ràng nhất và đích xác nhất với yếu tố địa dư. Tôi không bảo rằng địa dư không có ảnh hưởng nhưng tôi đã bày tỏ rằng cái ảnh hưởng ấy tuy có nhưng không mạnh, và xã hội càng phức tạp thì ảnh hưởng lại càng ít đi.

Nay ta hãy xét đến những liên tượng phức tạp hơn của xã hội: như là sức khỏe ngị lực, hành vi và tâm lý của người ta. Về những vấn đề này, đã có hàng trăm học-thuyết địa dư cố gắng chứng minh rằng địa dư có liên lạc mật thiết đến. Phải cần đến, mấy trăm trang mới phác qua hết những thuyết ấy. Vì sách này không đủ chỗ, nên tôi sẽ chọn lấy những thuyết có công phu nhất và xét xem giá trị của nó thế nào. Kết quả của cuộc kiểm soát lẽ dĩ nhiên sẽ có thể áp dụng chung cho tất cả các thuyết khác. Tôi sẽ lấy thuyết của giáo sư E. Huntington (sinh năm 1876) làm căn cứ, vì sách của ông kể vào hàng có giá trị nhất trong khu vực này. Những đại ý của ông tuy cũ, nhưng bằng chứng và nghị luận của ông rất mới và công cuộc khảo sát của ông căn cứ vào nhiều thực nghiệm: hơn hẳn các nhà học giả liên bối. Xét thuyết của ông ta sẽ nhận ra, có cơ sở dẫn đến nhiều thuyết khác trong khu vực của ông. Trong những tác phẩm chính về xã hội học của ông như là: *Civilisation, and Climate, World Power and Evolution* và *The character of Races*, ông Huntington đã bày tỏ rằng Khí hậu là một nguyên tố quan trọng có ảnh hưởng đến văn minh. Ông đã cố công phát hiện nhiều định luật liên can giữa khí hậu và nghị lực và công hiệu của lao động: Giữa Khí hậu và những hiện tượng tâm lý như trí tuệ, tâm trạng và chí tỵ; giữa khí hậu và bản tính và tiến trình của các văn hóa. Muốn biết

rõ thuyết của ông có giá trị thế nào ta hãy xét qua giá trị từng định luật quan liên đã kể trên này; giữa khí hậu và sức khỏe, giữa khí hậu và nghị lực, giữa khí hậu và tâm lý.

Khí hậu và sức khỏe.— Khí hậu có ảnh hưởng đến sức khỏe, đó là một quan niệm có đã lâu rồi. Quan niệm ấy dĩ nhiên là có giá trị nhất là nói về những khí hậu cực nhiệt với cực hàn. Nhưng nếu chỉ nói thế thôi thì quan niệm ấy thực viển vông và không có ý nghĩa xác đáng cả. Muốn cho xác thực hơn, quan niệm ấy gần phải giải quyết những vấn đề sau này: khí hậu ảnh hưởng đến sức khỏe người ta vì nhiệt độ hay vì thấp độ hay vì sự biến cải của thời tiết, hay vì những nguyên do khác? Muốn cho được hoàn toàn lợi cho sức khỏe thời khí hậu phải tới những điều kiện gì? Những điều kiện ấy có thay đổi từ người nọ đến người kia và từ xã hội này đến xã hội khác không? Trước ông Huntington đã có nhiều sách vở tìm cách giải quyết những vấn đề ấy và căn cứ vào phép thông kê và thực nghiệm (Hãy xem Moser, L. *Diegesetze der L. Lebensdauer* Berlin 1839; Casper, J. L. « Der Einfluss der Witterung of Gesundheit und Debel des Menschen » trong quyển *Denkwürdigkeiten zur Medizinischen statistik*, Berlin 1846; Gisi *Diebevölkerungsstatistik der schweizeidgein* Aarau 1868; và Forry *The climat of The U. S and Its endemic Influence and Y. N.* 1842 và xem những tác phẩm có tiếng về Thống kê dân cư của ông G. Von Mayer, L. Levasséur, G. J. Wappaus, H. Westergaard Oeltengen, A. Newholme và nhiều ông khác trong đó những sự biến cải về sinh tử giá thú theo thời tiết đã được phân tích và bàn luận. Xem cả những sách này có chưa trong những tác phẩm kể trên.) Có một vài tác giả đã tìm cách đặt những quy

luật chung. Ví dụ về số tử mà Huntington đã dùng làm tiêu chuẩn của sức khỏe thì Moser có đặt ra ba quy luật đã ngót một thế kỷ nay : 1-) Khúc liên hàng tháng của số tử với của thời tiết thì đi đôi với nhau, số trung bình và những cực điểm của hai liên tượng ấy đều song bằng ; 2-) Những nhiệt độ trung bình thấp nhất thì đi đôi với những số tử cao nhất và ngược lại ; 3-) Nhiệt độ lên quá độ mức trung bình thì về mùa đông làm giảm tử số và về mùa hạ lại làm tăng, trái lại nhiệt độ xuống dưới mức trung bình thì có ảnh hưởng ngược hẳn (Moser S. F. T. trang 242). Huntington cũng không thêm ý kiến gì đặc sắc mới mẻ. Duy có tìm thêm nhiều bằng chứng và có công tìm một khi hậu tối hảo cho tất cả mọi người về bất cứ thời nào. « Khi hậu lý tưởng ấy » là một khi hậu trong đó nhiệt độ trung bình thì vào khoảng 64° F ; và thấp độ thì vào khoảng 80° và rất hay biến đổi (Xem World Power trang 85, 98, 99; *Civilisation and Climate* trang 14, 15.) Về phương diện này nghĩa là về thời tiết, thì Huntington theo thuyết của Dexter (Xem Dexter *Weather Influence* trang 75 N. Y. 1904) Còn như những con tỷ số của Huntington đem ra để bảo chữa thuyết của ông, thì ta phải công nhận rằng thật là những con số rõ ràng và những khúc tên minh bạch mới trông ta phai xiêu lòng. Nhưng nếu xét kỹ hơn thì kết quả không được cứu đảo như người ta tưởng tượng. Nếu xét những vấn đề ấy riêng từng vấn đề một thì đi xa đầu de quá. cho nên ở đây tôi chỉ xin dẫn qua loa một vài điều phản nghị đối với giả thuyết của ông Huntington :

A) *Điều thứ nhất* : — Tuy rằng tử số là một tiêu chuẩn quan trọng về sức khỏe, nhưng nếu chỉ dùng có một tiêu chuẩn ấy mà thôi thì chưa đủ, nhất là khi người ta muốn khảo cứu nhiều nước có tính chất khác nhau. Thí dụ như căn cứ vào tử số Huntington không ngần ngại mà kết luận rằng những nước như Russie và Serbie có một sức khỏe kém nhiều nước khác ở Âu-châu (Xem Huntington. *The character of races*, trang 23, L. Y. 1924). Nhưng vấn đề này có đâu lại giải di như thế. Thăm những nước số sinh cao thì hượng thường số tử cũng cao và nếu số sinh

hạ thì số tử cũng hạ (Xem những con số trong sách của Yule H. L. « *The Growth of population* » *Journal of the Royal statistical Society* 1925 trang 31 33. Liên số giữa hai sinh số và tử số là 81, 1901 1910 cho 22 nước ; Liên số về sự biến đổi của hai số ấy là 70 hay là 75). Số sinh cao cũng là tiêu chuẩn của sự cường tráng của một dân tộc so với số tử cũng không kém phần quan trọng. Những thí dụ trong lịch sử của Rome và Grèce còn đó : Những con số sinh rất hạ về những thời suy, đủ tỏ rằng hệ số sinh mà thấp thì sức cường tráng của một dân tộc cũng suy kém. Bởi thế những nước có một số tử không đáng lo ngại gì mà về phương diện sinh tồn lại rất đáng quan ngại vì số sinh của họ kém. *Lẽ thứ hai* : cứ xét số tử của những thế hệ khác nhau ở những nước tử số thấp như Anh, Đức, Pháp, và ở những nước tử số cao như Nga, Hung, Bảo, Serbie thì hay rằng những thế hệ tuổi từ 30 đến 32 trong những nước tử số cao, có một tử số thấp hơn là những thế hệ tương đương ở nước Anh, dầu rằng ở nước này vệ-sinh rất tốt. (Xem Schallmayer, W ; « *Eugenik lebenshaltung und Auslese* », *Zeitschrift für sozialwissenschaft* 1908 ; Prinzing Fr. « *Kulturell entwicklung und adsterbeordnung* », *Archiv für rassen und gesellschafts biologie* 1910 ; Rudin E. ; *Über zusammenhang Zwischen Geisteskrankheit und kultur* ; Macdonel W. R. « *On the cheextection of life in ancient Rome* » *biometrika* quyển 9, 1913) Như thế thì cứ theo tiêu chuẩn của Huntington ta có thể nói rằng những thế hệ đứng tuổi trong những nước tử số cao (tử số cao là vì số trẻ con đông) phải coi như tráng kiện hơn những thế hệ tương đương ở những nước tử số thấp (thấp là vì số sinh cũng thấp cho nên số trẻ con chết cũng thấp). Ta lại còn có thể nói một cách khác rằng : nếu ta lấy số tử của những thế hệ ít tuổi làm tiêu chuẩn sức khỏe của các nước thì thứ tự trên dưới khác, mà nếu lấy số tử của những thế hệ trên 30 tuổi thì thứ tự lại khác. *Lẽ thứ ba* : tuy rằng tử số của nước Nga cao hơn tử số của nước Đức và của nước Pháp thế mà cứ những thống kê gần đây (Trước cuộc cách

(Xem tiếp trang 22)

Tâm sự một nhà văn

———— NHẬT KÝ CỦA JULIEN GREEN ————

NGUYỄN QUÝ BÌNH và TRỌNG ĐỨC dịch

QUYÊN II

1935

28-2-35 — Sáng nay tôi viết được 40 giòng... Đêm qua tôi tự hỏi sao không tả hình dung những nhân vật của mình trần trụi. Phải tôi muốn trình bày họ như vậy, trong tất cả sự thực về hình thể. Thường thường, nhân vật tiểu thuyết thu lại có một nửa mình bên trên, Mồm họ nói, tay cử động nhưng phần dưới người, không kể những tiểu thuyết khiêu dâm, e lệ dấu đi trước sự tò mò của độc giả. Vậy mà thân người cũng phô bày sự thực chẳng kém gì bộ mặt, nó cũng có sắc thái riêng; nó khúm núm, mạnh bạo, kiêu hãnh, huynh hoang, vui vẻ, tự lự; sự can đảm lộ ra ở đường vai nét ngực v. v. . .

*

10-7-35. — Hôm qua, đến thăm Gide... Ông bảo tôi rằng điều ông đề ý nhất trong sách của tôi là không bao giờ ngòi bút rời trang giấy, nét vẽ đưa đi không ngừng cho đến hết, và nếu có bao giờ ông viết gì về tôi thì ông sẽ nói nhiều về điểm ấy. Ông lại bảo tôi rằng những điều thực trong truyện của tôi vẫn là thực mặc dầu vẫn có điều bất hợp rõ rệt với sự thực hàng ngày. Và ông nói thêm rằng tôi hiện đang ở quãng đường ngoạn, rằng con đường nghệ thuật chân chính của tôi sẽ bắt đầu từ lúc nào độc giả rời bỏ tôi, khi họ thấy rằng sách tôi viết ra không giống mấy những khuôn mẫu của phái tự nhiên mà công chúng đòi hỏi. Ông nói: « Công chúng muốn những tiểu thuyết rỗng giống những tiểu thuyết mà họ biết rồi. » Ông nói thêm rằng, lúc đó không nên thoái chí, cứ việc theo nguồn cảm hứng, theo cái tính chất thực của tôi, một tiểu thuyết gia quái dị. Về chỗ đó, ông nghĩ tới ông và nói sự

thực ra ông chưa tìm thấy độc giả chân chính của ông. Tôi bèn hỏi: « Thế nhà văn nào là thực tìm thấy độc giả của mình? » — « Hầu hết các văn sĩ. Ông xem như Bourget chẳng hạn. » « Ta nói đến những đại văn hào. Dickens chẳng đã làm vừa lòng bao nhiêu độc giả mà đáng lẽ ông không thể làm vừa lòng được đầy sao? Độc giả thực của ông bây giờ mới thấy có. » Ông cho tôi có là sách lý ở chỗ đó và nói đến những cuốn đáng lẽ ông viết được và ông tiếc rằng đã không viết. « Nếu văn sĩ ở thế kỷ 17 biết trước được rằng 300 năm về sau họ còn có người đọc, họ sẽ viết khác hẳn đi. Người ta tưởng tượng họ trở lại trái đất này và nói: « Nếu chúng tôi biết sự thế thế này!... » Vì người ta cảm thấy rõ họ có thể làm hơn được nữa mà họ không dám. » Tôi hỏi Gide những sách ông đã không viết đó là những sách gì. Ông giả lời với một vẻ tự lự: « Ô! những sách sáng tác, những tiểu thuyết... »

Một lúc sau, ông bảo tôi rằng từ trước đến giờ sở dĩ tôi có một địa vị đặc biệt là nhờ tính cách hư ảo người ta thấy trong sách của tôi...

1936

16-5-36. — Đêm ngày hình như tôi chỉ nghĩ đến cuốn sách của tôi. Tôi có những hoài nghi, những cơn hoài nghi và cũng có cả một sự tự tin vô cùng, thành không sao hiểu được sự trái ngược đó. Tôi đã viết gì từ trước đến giờ trong sự vui vẻ chưa? Có, tôi đã viết đoạn đầu hầu hết các sách của tôi, vì trong tôi có một mối lạc quan khó nén nó làm tôi không bao giờ bắt đầu viết mà không có những hi vọng lớn lao.

*

14-10. — Hôm qua bắt đầu lại cuốn sách đã tôi; hôm nay bắt đầu lại lần nữa. Trước kia, tôi

làm đoạn đầu một cuốn sách không vất vả lắm. Theo một cách nào đấy, tôi viết ở trang nhất cái gì đi qua đầu tôi lúc đó (nhưng cái qua đầu ta nó tự những nơi sâu thẳm nào đến?), rồi tôi viết tiếp theo trang nhất và tôi cứ nhám mắt mà đi như vậy cho đến hết. Ngày nay tôi nhận ra rằng nhắm mắt mà đi như vậy thì lại chỉ dẫn tôi vào một con đường mà tôi đã vạch sẵn, và tôi một đích quen biết. Trong tôi có cái gì nó sui khiến tôi làm lại những cái đã làm, nếu tôi không hết sức chống lại bản-năng ấy. Phải coi chừng đề khỏi mắc vào cạm bẫy của chữ dùng. Tôi cuối con ngựa nó quá thuộc lối về chuồng. Nếu tôi không khó tính hơn tôi đã buông lỏng cương từ lâu; trái lại, tôi luôn luôn ghi ngựa. Người ta sẽ rõ nếu thắng hoặc người ta tìm thấy trong giấy má của tôi 15 hay 20 đoạn đầu tiểu-thuyết. Có lắm đoạn thực là ngộ.

1937

9-2-37. — Mọi sự đều tự tam mà ra, tự nhân tính cả. Nhân tính, tất cả nhân tính ở trong ta, trong đáy lòng ta mà ta không biết rõ. Mỗi một người riêng biệt là tất cả nhân loại.

*

17-11. — Có một sự gì mà tôi không biết, sẵn ra cho cuốn sách tôi, nhưng nó làm tôi lo sợ và bằng một cách không thể diễn tả ra được, tôi đoán rằng cuốn sách nó biết và lấy làm hả hê. Điều đó làm tôi nhớ tới một câu ngộ nghĩnh mà Cocteau nói trước mặt tôi, cách đây không lâu :
Sách của chúng ta nó ghét chúng ta lắm. . . »

1938

29-6-38. — Trừ khi nào tôi viết sách, còn không bao giờ tôi nghĩ : « Minh đang làm việc này, và đừng lý ra, minh không thể làm việc gì khác được. » Không. Khi đọc sách, lúc đánh cờ hay đi chơi, tư-tưởng theo rồi tôi và ám-ảnh tôi về cái đáng lẽ phải đang làm thế mà tôi lại không làm. Tôi cho điều đó ít do sự chú-ý không bền bỉ hơn là do một thứ tham-lam vô-cùng. Tôi không thả lòng tôi một vui thú nào mà lại không cảm thấy

minh bị đoạt mất một thú vui khác, tương tự và khả dĩ có được. Nói đại để, tôi theo một lối sử-sự nó dẫn tôi mãi cho đến lúc chết, và cho đến lúc chết tôi vẫn hối hận rằng đã không sống một cách khác, đã không mua những giá trị khác bằng những phương-tiện mình đã có trong tay. Nhưng trong lúc viết thì tôi hoàn-toàn ở hiện tại (1).

*

3/4-6. — Đang ta phải ghi chép những cái gì ta đọc. . . Dù văn sĩ không tin bị ảnh hưởng trực tiếp của những cái mình đọc, vẫn có một sự liên lạc thầm kín nhưng không chối cãi được, giữa tác phẩm và những cuốn sách đã nuôi tinh thần nhà văn (cũng như giữa những thức ta ăn và thân thể ta vậy). Rất có thể trang tiểu thuyết nào đó viết ra bất-giác phản đối một chương sách đọc hôm trước và trang đó có thể soay chiều cho cả cuốn tiểu thuyết. Người ta nhờ những tờ ghi chép ở thư-viện mà biết được xưa kia Poe đã đọc sách gì lúc ở trường Đại-học

*

Không ngày tháng. — Tôi muốn viết cho ai troi troi một mình.

*

— Đôi khi tôi hối tiếc và gần như ân hận đã không đáp hết thấy những bức thư nhận được từ khi tôi viết sách, nhưng tìm đâu ra thì giờ? Viết mảnh giấy ngắn nhất cũng mất mười lăm phút. Có khi hơn nữa, tôi ngẫm nghĩ về mỗi tiếng dùng, tôi đo dự một cách vô lý giữa những lối chào hỏi không câu nào được thành thực hay có vẻ thực, và khi bản kiết tác đó viết xong, tôi lại phải đưa cho một người tin cần xem vì, muốn được mọi sự dễ dàng, tôi có thói hay hoài nghi. Tuy-nhiên thư từ tôi nhận được đôi khi kỳ quặc đến nỗi tôi

(1) Ngày 8-1-1931, tác giả đã ghi cân nẩy, nó cũng tỏ rõ lòng ham sống thật rồi rạo của ông :

« Có ai biết nổi bản khuyển khi đương đi trong một phố mà lại nghĩ một cách thất vọng đến hết những phố khác lúc do không có mình, những phố ở đấy những kẻ muốn biết mình đang ngóng đợi, và sau lại bỏ ra về vì mãi không thấy ai đợi. *Đi chưa ?* (lịch của dịch giả) »

phải giả lời bàng tâm tư. Tôi đã viết biết bao nhiêu bức thư như vậy những lúc đi chơi ! Với người không bao giờ nghe rõ ta, sao ta lại chẳng rộng lòng ra mà tìm sự ! Và tôi không biết thế nào mà rồi tất cả những điều đó lại thấy trong sách của tôi.

— Có nhiều nhấ vầu mà tôi đã làm bầu bạn, tuy tôi không biết rõ tác phẩm của họ. Khi một cuốn sách của họ rơi vào tay tôi, tôi thân mật và quả quyết xếp nó vào một chỗ. Sao vậy ? Vì tôi sợ. Những nhà văn đó, tôi sợ họ chờ tôi biết rõ quá về những cái ở trong đầu họ, và tôi yêu họ theo trí tôi tưởng tượng. Tôi muốn bảo họ rằng : « Các ông cứ ở yên như thế này ! Như vậy trông được rồi ».

*

— Tôi biết nhiều văn sĩ tưởng mình là không lồ bởi họ sống ở xứ người lùn. Dù bức rọc cho ta, nếu ta muốn biết ta thực giá trị thế nào, ta phải lùi lại sau và so sánh ta với những cái gì là ưu tú hơn cả. Giữa những người đang sống lời phán đoán lẫn nhau thực khả nghi, Tôi dám khuyên hết thảy những văn sĩ tưởng mình là ghê gớm hãy chịu khó đi theo dọc những bến chèo tàu ; họ hãy nhìn tới những ô cửa hàng sách cũ ; họ sẽ hiểu chút danh vọng của họ giá trị thế nào.

*

Phần nhiều chính cái lúc một đầu đề tưởng như dễ lại là lúc nó khó làm, vì phải kiên tâm và cùng mới tránh cho nó khỏi nhàm được Về điều này, tôi nhớ Valéry đại khái cũng nói như thế : « Điều ngăn cản tôi làm một thiên tiểu thuyết là phải viết : « Bá tước phu nhân bước vào và ngồi xuống » ». Sự hiển nhiên là ông đã nói trúng một trong những nỗi khó khăn lớn. Nhưng cũng câu : « Bá tước phu nhân bước vào và ngồi xuống » nếu biết đặt đúng chỗ, người ta sẽ cho nó một sự đầy đủ tuyệt diệu, một âm điệu gợi cảm, còn gì nữa ? vẻ đẹp của một câu thơ hay. Tuy nhiên những cái gì ở trong địa-hạt những cửa người ta mở, thư từ người ta đưa đến, những cầu thang người ta lên xuống, đối với nhà văn thật trọng vẫn là những điều to lớn khó tả. Ôi ! sung-sướng thay những người trông kịch giới !

Sự cảm dỗ nguy-hiểm nhất cho một tiểu-thuyết gia là khởi công viết một cuốn sách ở những đêm dễ-dàng, và sự cảm dỗ ấy không rời nhà van ra bao giờ. Thật vậy, bao giờ cũng có một cảnh dễ viết hơn một cảnh khác; cảnh đó, phải nên tránh. Bao giờ cũng có một câu nó đưa đầy sẵn sàng ở đầu ngòi bút; câu đó phải gạt ra cho kỳ được. Nên sợ rằng giọng mực tự nó chảy xuống !

*

— Đôi khi tôi mường tượng nghĩ tới những bản tay trong đó sách tôi có thể lọt vào; và có những bản tay tôi muốn nắm chặt và ghì sát vào lòng tôi, nhưng chắc chẳng bao giờ tôi được trông thấy những bản tay đó ! Một bộ mặt xinh đẹp cúi xuống sách tôi, những con mắt trong đó tôi đã ghi được đôi chút những hoài vọng của tôi !

*

— Tôi sốt sắng bắt đầu viết một cuốn sách, rồi tôi lại xếp ra một chỗ. Không còn chối cãi được nữa, ta không làm được cái gì hay nếu ta không vượt hẳn lên trước ta khá xa. Phải biết lạc vào khu rừng tối.

*

— Chestov có nói câu này làm tôi tư lự mãi : « Chừng nào văn sĩ còn sáng tạo, nghĩa là còn suy nghĩ và viết lách, thì họ còn có chút giá trị, nhưng ngoài chức vụ ấy ra, họ là kẻ vô tài nhất trong loài người. »

*

— ... Cốt sao đừng đi cạnh cuốn sách mình đáng phải viết, dù như vậy không hiểu được độc giả thiên tiểu thuyết mà họ đòi hỏi, nghĩa là cuốn tiểu thuyết giống những cuốn họ đã đọc rồi.

NGUYỄN QUÝ BÌNH và TRỌNG ĐỨC dịch

Ô-TÔ NHÀ LẦU
CÁI MỘNG ĐÓ
SẼ THÀNH SỰ THỰC
NẾU CÁC NGÀI BỎ 1 \$ 00
MUA VÉ SỐ ĐÔNG-PÁHP

GIA-ĐÌNH VÀ GIAO-DỤC

VAI PHƯƠNG CHẠM

VỀ CHÍNH SÁCH GIÁO-DỤC

đu'oi' tho'i Cách mên'h Pháp

(1789 — 1794)

TRONG DU'C

(Tiếp theo)

Chương trình Lepeletier

Trong những giấy má còn để lại của Michel Lepeletier Saint Fargeau, bị ám-sát do một tên phản cách mệnh ngay hôm sau ngày mà ông đã bỏ phiếu xử tử vua Louis XVI, em ông là Félix Lepeletier, một đệ tử trung lai của Babeuf, đã tìm thấy một chương-trình về quốc gia giáo dục và đã đem trình Ủy ban Sáu người. Chương trình đó được Ủy ban thừa nhận và chính Robespierre đem trình nó ở trước hội nghị Convention ngày 13 Juillet 1793.

Chương trình Lepeletier bắt đầu chỉ trích những bản dự án về học chính trước kia, phản uản về tính cách chật hẹp của chúng và bài bác sự thiếu-thốn và sự phân phối vụng-dở các trường học.

« Một sự bất bình đẳng lớn hơn nữa sẽ lại xảy ra vì tài lực của những bậc cha mẹ rất khác nhau. ở đây những người phong lưu, nghĩa là ở ít nhất được, hưởng hết diên lợi.

Người nào kha dĩ không cần đến sự làm lụng của con cái để nuôi chúng là có thể cho chúng ngày nào cũng đi học được và đến nhiều giờ ở nhà trường.

Nhưng còn giai cấp nghèo thì họ làm thế nào ? Đưa trẻ nghèo, các ngài mạng đến cho nó học văn dấy; nhưng trước hết nó hãy cần có bánh ăn đã. Bỏ nó nhịn miệng để cho nó một miếng; nhưng chính nó phải kiếm lấy miếng kia mới được. Thời giờ của nó bị giằng buộc vào sự làm lụng là vì sự làm lụng cần thiết cho đời sống của nó. San khi làm việc nặng nhọc cả ngày ở ngoài

đồng, các ngài lại muốn, để nghỉ ngơi, nó đi tới nhà trường xa nhà ở hăng nửa dặm nữa hay sao ? Dù các ngài đặt ra một đạo luật cưỡng bách người cha cũng vô ích; hàng ngày họ không thể không cần đến đứa con lên chín lên mười tuổi đã đi làm kiếm được ít nhiều rồi. Cho nên sự thiết lập những trường học theo như người ta đã đề nghị thật ra chỉ có lợi cho một số ít người được tự-chủ trong đời sống, ở ngoài vòng câu thuê của nhu cần. Ở đó họ có thể cho con cái họ hái được rất nhiều những quả của học vấn; ở đó kẻ nghèo chỉ họa may bòn mót được ít nhiều...

Tôi yêu cầu các ngài cho ban hành đạo sắc lệnh nói rằng tất cả mọi đứa trẻ, con gái lên từ 5 đến 12 tuổi, con gái đến 11 tuổi, không phân biệt và không ngoại trừ, đều được nhờ Chính phủ Dân quốc nuôi dạy đồng loạt, và tất cả, dưới đạo luật thiêng liêng về bình đẳng, đều nhận được những quần áo, thức ăn, học vấn, sự chăm nom y như nhau. Với cái cách thức mà tôi đề nghị đề các ngài theo đó phân bổ những kinh phí về công cuộc kia, hầu hết là để lên vai kẻ giàu; người nghèo chỉ phải chịu thuế rất nhẹ. Như vậy là các ngài đạt được những điều lợi của thứ thuế lũy tiến mà các ngài muốn thiết-lập: thành ra không xảy ra sự chần động và sự bất công mà các ngài xóa bỏ được những sự chênh lệch lớn về tiền của nó là một tai ương cho xã-hội »

Nền giáo dục sẽ gồm cả đức dục, trí dục, công dân giáo dục, thể dục và quân-sự giáo-dục. Lepeletier dành một phần rất lớn cho thể thao (« Những sự chăm nom trước tiên của chúng ta là về phần thể dục... »)

Nhưng lấy tiền đâu để thực hiện chương trình kia ? Bắt người giàu phải chịu :

« Giảm bớt những túng thiếu của kẻ nghèo, giảm bớt cái thừa thãi của người giàu, đó là một cái đích mà tất cả mọi chế-độ của chúng ta đều phải đi tới...

« Đờ đờn kẻ khôn khéo, gánh nặng phải đè người giàu chịu phần lớn. Tất cả lý thuyết là ở đó, và tôi thấy rõ thi hành điều đó thực tốt lành và dễ dàng ở bản hiến chương mới do sự thiết lập chế độ kia mà ra. Nói ngắn lại, con cái người nghèo sẽ được nuôi dạy nhờ nhà giàu, bởi thấy mọi người đều chịu phần gánh vác cho tất cả một cách tương xứng, làm thế nào cho kẻ nghèo không phải khuất nhục vì chịu ơn. Chỉ một sự tính toán giản dị cũng cho ta thấy cái kết quả kia một cách hiển-nhiên. Tôi đề nghị rằng ở mỗi tổng, sự chi tiêu của chế độ công, về sự ăn mặc, chăm nom các trẻ, phải do mọi công dân hàng tổng chịu, nhiều ít tùy theo số tiền thuế trực thu mà họ vẫn đóng...

Theo chính sách đó, các ngài thấy chỉ có người giàu phải chịu một xuất nặng hơn là số tiền mà họ thường phải tiêu để nuôi dạy con cái. Nhưng ở cái gánh nặng thêm cho họ đó tôi thấy hai điều lợi: một là trừ bớt đi một phần sự thừa thãi vô ích của nhà giàu; hai là soay đổi sự sức tích ốm yếu kia ra sự cứu giúp những dân nghèo, tôi dám nói như thế có lợi cho toàn thể xã-hội là vì nhờ vậy mà người ta thiết lập được một chế độ thật xứng đáng với một Chính phủ Dân quốc và người ta khơi được cái nguồn thịnh vượng, vinh quang và tái tạo phong phú hơn hết...

« Đã từ lâu người ta chờ đợi một dịp để cứu giúp một phần xã hội đông và đáng lưu ý; những cuộc cách mệnh xảy ra từ ba năm nay đã làm hết mọi điều lợi cho những giai cấp khác, mà hầu như có điều gì cho giai cấp có lẽ là túng thiếu nhất, cho đám bình dân mà tất cả tư sản quy vào sự làm lụng.

« Chế độ phong kiến đã bị phá đổ, nhưng họ có hơn gì là vì ở những nơi thôn quê được giải-phóng họ có của cải gì đâu.

« Đánh rằng thuế má phân bổ công bằng hơn; nhưng trước kia chính vì nghèo nàn mà họ có đóng góp được bao nhiêu: đến nay sự gia giảm đối với họ hầu như không nghĩa lý gì.

« Sự bình đẳng về dân quyền được tái-thiết nhưng học văn và giáo dục thiếu cho họ; họ chịu hết gánh nặng của cái danh hiệu là công-dân; phải đâu họ có tư-cách để hưởng những vinh-dự mà người công dân đòi hỏi?

« ... Hãy nuôi nấng con cái những công dân vô sản, tự khắc họ không thấy sự khốn cùng nữa. Hãy nuôi nấng con cái họ, thế là các ngài đã cứu giúp họ ở cái phần tha thiết nhất trong đời sống họ vậy... »

Thiên bất kỳ trên đây, cái chương trình sự phạm táo bạo nhất dưới thời Cách mệnh, có tính cách bình đẳng sâu sa như thế, đem đọc trước

Hội-nghị Convention đã làm cho hội nghị sôi nổi lên. Có Robespierre, Danton và Léonard Bourdon ủng hộ, chương trình đó bị Grégoire và Thibaud-deau phản-đối. Danton ký một đạo sắc lệnh thiết-lập những « bình đẳng việc » ở đó trẻ con được dạy dỗ, và ăn ở không mất tiền và những lớp học ở đó những công dân rảo muốn giữ con cái ở nhà có thể gửi chúng đến học tập ».

Ngày 30 Juillet 1793, Fourcroy tuy vẫn nhiệt liệt tán-thành cái nguyên tắc của chương trình Michel Lepeletier, thu hẹp chương trình đó, đề quy lại những sự có thể thực hành được, nghĩa là nền giáo dục cộng đồng trong một quy thức ngoi trú.

*

Ta có nên chú ý tới bản bao cáo, không phải là quan trọng nhất, nhưng được nhiều người biết hơn hết, của Lakanal, ngày 2 Brumaire năm II, về sự tổ-chức những Trường Sư-phạm? Nhờ những Trường Sư-phạm mà « trẻ con nhà nghèo có những ông thầy giỏi-giang hơn những thầy mà trước kia nhà giàu có phải nất tiền nhiều mới kiếm được. Người ta sẽ không còn thấy trong địa hạt trí-thức của một quốc-gia lớn, những khu bé nhỏ được cày cấy rất mực chu đáo, và những bãi bỏ hoang thực mênh mông. Lý trí con người được trau dồi khắp nơi bằng một phương pháp tinh xảo đồng loạt, sẽ có những kết quả tương tự ở khắp nơi và những kết quả đó tức là sự tái-tạo trí phán đoán của người ta... »

Trường Cao-đẳng Sư-phạm đặt ra là tự đó, Người ta lại cũng biết rằng Quốc-hội Convention đã thiết-lập hay cải-tổ toàn thể những học-viện về khoa-học hay nghệ thuật, hầu hết các đại học-đường của nước Pháp.

Người ta cũng nên nhớ việc làm của Quốc-hội về giáo-dục thanh-niên, theo bản dự án sắc lệnh của Lakanal về những trung-ương học đường (tức là những trường trung-học kiểu mới) đem trình trước hội-nghị ngày 26 Frimaire năm III

« ... Vì sự vẻ vang của tổ-quốc, vì sự tiến-bộ của trí-tuệ loài người, phải làm thế nào cho những thanh-niên nào đã được tạo-hóa cho vượt ra ngoài mục thường, tìm

được nơi ở đó tài năng của họ có thể phát triển đầy đủ ; mặc dầu cái hoàn cảnh trong đó họ ngẫu nhiên sinh ra, mặc dầu vận mệnh họ thế nào, quốc-gia sẽ chiếm lấy thiên tài của họ. Vì công cuộc lớn lao đó quốc-gia phải thu thập hết các lực lượng, là vì sử dụng tài năng như thế không phải là tiêu phí đi mà chính là làm cho nó nảy nở thêm lên. Quốc-gia không quan tâm đến những kinh phí của công cuộc thiết-lập đó vì biết rằng nó có mặt thiết đến sự sinh-tồn chung. — Quốc-gia không nói rằng đã có mối tư lợi và lòng tư ái của tư-nhân, hay cả tạo-hóa đã sinh ra thiên-tài nữa, bảo đảm cho ta những điều lợi kia ; là vì quốc-gia không phó những mối lợi nhón của mình cho những tính toán của lợi riêng khác, hay cho những may rủi của tự nhiên ; quốc-gia không lưu sự tổ-chức kia lại những thời-đại thuận tiện hơn, vì ở thời đại này, việc đó bất thiết khẩn cấp ; phải, nhất thiết ! hãy cấp ! »

Như vậy ta thấy rằng tự những nỗi khó khăn của thời-đại, những nhu yếu của cuộc chiến tranh bảo vệ quốc-gia và cách mệnh, những sự nguy khốn cấp bách của chính phủ Dân-quốc, Lakanal rút ra, không phải nhu bao nhiêu người khác sau ông đã làm những lý do để lưu lại sau việc khuếch trương sự học mà lại là để mở mang nó theo một nhịp chưa từng có bao giờ !

Và chính ông cũng nghĩ đến những phương pháp kiếm ra tiền cần đến : « Không phải là một phương sách phiến nhiên khi người ta đặt thêm một khoản thuế phụ thu, tùy theo tư sản, và cân xứng với xuất thuế của mỗi người, để bù vào một phần những kinh phí trong việc thiết lập những trường sơ-học ».

... Tất cả những người chủ trương việc học cho bình dân ở Quốc-hội Convention đều chú ý đến tinh cách xã-hội của công cuộc giáo dục, đến những giây liên lạc linh hoạt, cần thiết giữa học-đường và toàn thể xã hội.

Ở họ cái nhu yếu đó được trình bày trong những khoản đề nghị đặt ra những đại-hội liên lạc dân-chúng và nhà trường.

Chính Daunou trong bản báo cáo về sự tổ chức học chính ngày 27 Vendémiaire năm IV đã viết

« Phương tiện giáo dục rộng rãi hơn hết là ở sự thiết lập các kỳ quốc khánh...

« Vậy các ngài hãy nâng cao ở giữa nước Pháp những nghi lễ huy hoàng xưa kia đã hiến cho những đại-hội nghị toàn quốc Hy-Lạp cái cảnh tượng ngoạn mục của tất cả những vui thú những tài năng và những vinh quang...

« Ngày nay đã đến lúc các ngài tái thiết những chế độ hữu ích kia ; các ngài hãy tụ tập lại đó những sự diễn tập của mọi tuổi, âm nhạc và khiêu vũ, đua chạy và đánh vật, những sự thao diễn quân đội và những trò diễn trên sân-khấu ; các ngài hãy trưng bày ở đó tất cả những tài sản của dân chúng, của kỹ nghệ và của nghệ-thuật ; mong rằng sự hoạt-động của quốc gia phổ bày ở đó quá-trình tiến-bộ ở đủ mọi ngành ; mong rằng nền thương mại mang tới đó những sản-phẩm của các suồng chế-tạo ; mong rằng các nhà nghệ-sĩ trình bày ở đó những kiệt tác và các bác-sĩ những phát minh của họ, còn như lịch sử, thi-ca, hùng-biện sẽ tuyên-bố ở đó sự toàn thắng của tự-do và sẽ chum lên tất cả cái gì là lớn lao, hữu ích, dân chủ và khoan hồng một vẻ huy hoàng bất diệt... »

... Sau hết ta hãy nói đến cái người đã thống-ngự tất cả thời-đại chiến-đấu và tạo tác vĩ đại kia, Robespierre, ở phiên họp ngày 13 Aout 1793 trong khi bênh-vực chương trình giáo-dục cưỡng bách, bình đẳng và hoàn bị của Michel Lepeletier, đã tóm tắt những nguyên tắc thiết-yếu của sự tổ-chức giáo-dục mới như sau đây :

« Các người cấu tạo ra chương trình này đã nghĩ rằng, muốn bảo tồn Chính-phủ Dân quốc thì cần phải nhồi sâu cái nguyên tắc của nó vào tất cả mọi linh hồn ; ông đã cảm thấu rằng học vấn không đủ để reo rắc cái ảnh hưởng đó vào mọi trí não và ông đã bổn hợp vào đó giáo dục. Ông đã nhận thấy vì người công-dân nghèo không thể nuôi con cái mà họ cho đi học được, cho nên Chính-phủ Dân quốc nên gánh lấy việc vừa nuôi vừa dạy chúng...

« ... Nếu các ngài chưa nhận chương trình này thì sự sinh-nở một đứa trẻ, cái thói khắc khổ của tạo hóa đó, sẽ không còn là một tai vạ cho

KHI HẬU VÀ SỨC KHOE

(Tiếp theo trang 15)

mạnh) thì người ta thấy rằng dân nước Nga khỏe mạnh hơn, là dân các nước khác ở Âu-châu có một tử số thấp hơn: từ 1890 đến 1894 thì trong 772.000 người nhập ngũ ở Nga thì có 1, 8 % không hợp cách, thế mà ở Đức thì số bất hợp cách có tới 6 ; 2 %; ở Nga số lính nhập ngũ đủ tư cách thì nhiều hơn ở nước Đức và ở số đông các nước khác ở Âu-châu, tới 35%. Đó là chưa kể rằng thể lệ tuyển binh ở Nga nghiêm ngặt hơn thể lệ các nước khác. (Xem Schallmayer's ; k. t. ; Claassen W. «Die abnehmende kriegstüchtigkeit» v. v... Archiv fur rassen und gesellschaft biologie quyển sáu 1909 trang 73 77 ; Claassen W. Die einfluss von fruchtbarkeit trang 482 492. Vì sao lại như thế? Số tử trẻ con mà cao thì tức là những người yếu đều mất đi và chỉ còn những người khỏe là sống quá 21 tuổi, còn như ở các nước số sinh và số tử thấp, thì cố nhiên nhiều

người yếu sống ngoài 21 tuổi. Bởi thế cho nên ở những nước không tân tiến lắm số tử ở những thế hệ quá 30 tuổi đều thấp.) Cứ xem thế thì đủ biết rằng số tử của một dân tộc không đủ làm tiêu chuẩn sức khỏe của một dân tộc. Sự khuyết điểm ấy lại càng rõ nếu ta biết rằng như ở nước Đức (và ở nhiều nước khác ở Âu-châu) từ cuối thế kỷ 19 đến kỷ Thế-giới đại-chiến lần trước số tử tuy có xuống nhưng số bệnh nhân ở nhân gian và ở quân lính lại tăng lên. Ta còn có thể tìm thấy nhiều thí dụ tương đương, nhưng cứ xem những thí dụ kể trên cũng đủ biết cái tiêu chuẩn của Huntington hãy còn khuyết điểm. Vì những lẽ ấy cho nên ta có thể kết luận rằng những lý của Huntington viện ra chỉ đủ chứng thực rằng khi hậu điều khiển số tử của một dân tộc chứ vì tất đã điều khiển sức khỏe của dân tộc ấy.

(Còn nữa)

A. A. dịch

một gia đình nghèo nàn nữa, nó không còn là sự hy sinh một phần đời sống của gia đình đó để nuôi nấng đứa trẻ nữa. Là vì Chính phủ Dân-quốc đảm nhận việc nuôi nấng kia.

«... Từ trước tới nay tôi đã chỉ nghe thấy người ta biện luận về bệnh-vực những thành kiến phản đối những đức tính dân chủ. Ngày nay tôi trông thấy, một bên giai cấp giàu có bài xích đạo luật này, và bên kia dân chúng đòi hỏi nó. Tôi không ngần ngại nữa, nó phải được thừa-nhận ».

Như vậy ta đủ hiểu, ngày nay khi đọc lại những trang trên đây, mỗi kinh hãi mà sự nhớ lại cuộc Cách mệnh Pháp, hay chỉ một cái tên của nó đủ gây cho những uy quyền phản-động và áp chế !

TRONG ĐỨC

(theo Georges Cogniot, trong tạp chí La Pensée — Avril, Mai, Juin 1939).

ĐÃ CÓ BÁN:

HOA MỘNG CỦA TƯỜNG VÂN

THƠ LÀM — DỊCH THƠ ĐƯỜNG — DỊCH THƠ PHÁP

1.) Thơ làm. — Có nhiều bài đặc sắc, thi ca, từ khúc, có đủ.

2.) Thơ dịch. — Có mấy bài Đường thi viết bằng bút lông rất tốt.

3.) Thơ dịch Pháp văn. — Lựa những bài danh tiếng của Lamartine, Victor Hugo, S. Prud'homme, Baudelaire, Verlaine, Régner, Materlinek, Comtesse de Noailles v. v...

Ông Nguyễn triệu Luật riêng chú ý đến phần này, có bài khen dịch giả (Tao-dân số 13-1939), có tài Việt-hóa văn chương Pháp như bà Nguyễn thi Diễm (dịch Chinh phụ ngâm) có tài Việt-hóa văn chương Tàu. Ai muốn xem bài này xin gửi 0\$10 tem cho Kiosque THANH TẠO, in

HỎI «HOA-MỘNG» Ở CÁC HIỆU SÁCH LỚN

ĐỌC SÁCH MỚI

Lòng vàng. (Hải Hạc dịch)

Trong vài năm gần đây ông giáo Tảo lúc nào cũng lo lắng việc dịch quyển « Lòng vàng », theo bản chữ tàn của Ông Hạ Cái Tôn, mà tác giả là Edmond de Amicis người Ý. Ông Hạ Cái Tôn rõ ràng nước mắt, ông Nguyễn hữu Tảo rơi lụy châu má, và ai ai đã từng học trường tây, đọc mấy đoạn « Cậu bé viết giấy quần áo » « Đưa học trò hư làm đau lòng mẹ » cũng phải thổn thức bật ra hàng châu. Cũng là khóc, giọt nước mắt này là giọt nước mắt từ tấm lòng hiểu nghĩa, hay từ chỗ hiểu nghĩa ở trong một tấm lòng đã mờ ám mà ra. Có lẽ trong những tập văn dùng về việc giáo-dục, không có quyển nào được các sách tập-đọc hay sách luận-lý trích ra nhiều như quyển này. Người không còn trẻ, người làm nghề viết, không thể nào có những giọng cảm-dộng lòng người được đến thế.

Khốn nỗi, học trò đọc bài tập-đọc trong khuôn khổ lớp trước sáu bảy mười bài; học luận-lý chỉ là học một bài, mà hề là một bài thì đem theo ngay cái khổ phải học thuộc; học tập-đọc những đoạn trích dịch phải chịu thiệt, tức là mất cả cái cảm đi.

Chắc hẳn ông Hải-Hạc (tên Hưởng-Đạo của ông Tảo) đã thấu nóng nỗi ấy mà cảm-cui dịch cả quyển ra, để cho mỗi cậu bé có thể một mình đọc được. Trong cả một lớp, ông thầy đều chịu khó nhưng cái giọng quen nghe, cũng là cái giọng giữa dạy lúc khác, chưa chắc đã làm cho bọn trẻ cảm được. Mà chỉ hóa được lòng trẻ, khi cái cảm âm-thầm, « từ ở mình » mà phát ra thôi.

Trẻ em cầm quyển sách đọc, rõ một giọt lệ trên trang giấy, giọt lệ ấy quý giá lắm, có thể chuộc được cả một đoạn hư lãng trong lúc tuổi xanh. Đọc quyển « Lòng Vàng », mà cảm được, ấy là lòng còn sống, còn có thể cứu vớt được đó. Cửa qui của các bậc làm cha mẹ, làm thầy, làm anh là quyển sách này.

Ngay tôi, cũ g-vi có bản dịch này nên mới được đọc cả tập, cũng thấy hay hơn các tiểu-thuyết thường nhiều.

Một việc cảm động nữa : Trong lúc đất đỏ này sao lại có quyển sách giá rẻ đến thế. Hỏi ra mới biết rằng việc in là em ông Tảo làm, ông dùng giấy năm xưa nên cũng bán giá năm xưa, để cho nhiều em được đọc. Tin-tưởng ở lòng người như hai anh em nhà ông, việc quái hóa biết bao.

* *

Tôi đọc một lượt rồi lại đọc một lượt nữa. Tôi thấy rằng quyển sách quý này có một cái sức mạnh, cảm-

hóa to lắm. Nhưng có vai chỗ không thể nào không bảo các độc-giả bé con cần tỉ mỉ sau khi đặc em đọc.

Các em đọc cũng sẽ cảm động lòng còn tươi còn cảm động hơn bọn người lớn nữa. Các em sẽ thích mà đọc đi đọc lại mãi, rồi cả em sẽ thấy rằng một vài chỗ lạ, làm cho các em so sánh nghĩ ngợi, rồi đi ra cũng tủi thân.

Các em thấy rằng người mẹ bên phương tây em ái làm sao, chốc chốc lại hôn hít con; những lúc khó chịu, vùi đầu vào ngực mẹ là thấy ấm áp. Lúc cha bảo điều gì lại cần thận trọng thì nhớ ra cho con. Mẹ cũng tuế. Anh em bạn từ từ, khi không thuộc thì nhắc giúp; ông thầy cũng hết lòng đến sợ mất lòng học trò, ông tận tâm đến nỗi ngồi vào hội-đồng chấm thi ông cũng làm hiệu ngầm để giúp học trò nữa.

Bên ta trừ một số rất ít gia-đình sống theo lối mới, con thì con thấy những ông bố cùng ông thầy nghiêm nghị, những bà mẹ bắt ne bắt nét cả. Những trẻ mà không có мам thiện mạnh mẽ tại nhiên so sánh bà mẹ Cam-gi với mẹ mình, ông cha và ông giáo trong truyện với cha cùng thầy mình, rồi nảy ra oán vọng. Trẻ ngoan ngoan cũng không khỏi tủi thân.

Cái này không phải lỗi của ông Nguyễn hữu Tảo và cũng không phải lỗi ở ông Edmond de Amicis. Tác giả người phương tây, viết cho đa số học trò tây, cổ những bà mẹ mãi mãi tỏ vẻ ầu yếm con, có những ông thầy tuy được kính trọng nhưng không thường được đại diện đến hàng quân phụ.

Không ai có thể bảo bà mẹ người Nam không yêu con ! Nhưng bà ầu yếm, nâng đỡ con lúc tấm bé. Đến lúc sáu hay bảy tám tuổi, dù không làm lễ « ra nhà ngoài », nhưng bà thấy rằng không thể để cho trẻ nó bịn rịn mãi, Bà cho con theo thầy học; rồi, dù không hề rằng, mà bà lo lắng cho con không ai bằng. Muốn cho con cứng cáp, bà thường can đảm giấu nỗi thương mà xét nét từng tí một Chỉ những lúc đau ốm hay nguy nan mới biết lòng người mẹ.

Xem sách cũ, ai có thể không cảm-dộng tại hai chỗ này, khi đọc chỗ bà Lăng-mẫu gù đầu vào lưới nhện để cho con yên lòng giúp vua, mẹ ông Đoàn Phát mừng con đến cứu mình, bà họ Nhạc thích chữ vào lưng con, nâng họ Bửu thầy con chết mà không khóc. Gần đây bà mẹ ông huyện Ngõ ẽu g. nuôi liêm cho con nữa.

Ấy đối với bà mẹ dạy con, hai nơi bích thức khác nhau thế, yêu cùng một lòng yêu xót xa, nhưng bà mẹ An nam muốn dạy con một cách mạnh mẽ.

Việc trợ cấp nạn nhân chiến tranh - về những đồng sản bị tổn hại ⁽¹⁾ -

V Ò ĐÌNH HỒE

Sắc lệnh ngày 25 Mai 1944 đăng trong Quan Báo Đồng Dương số 57 (15 Juillet 1944) đã ấn định việc trợ cấp nạn nhân chiến tranh về những đồng sản bị tổn hại.

Thế thức thi hành đạo sắc lệnh trên đã được quy định do nghị - định quan Toàn quyền ngày 13 Juillet 1944.

a) Trường hợp được trợ cấp

Điều 1 và 2 trong sắc lệnh cho phép « quan Toàn Quyền Đồng Dương được bán những món tiền trợ cấp cho nạn nhân chiến tranh để giúp họ sửa chữa và thay mới những đồ đạc bày biện và những đồ dùng trong nhà cần thiết cho việc gây lại gia đình khi các thứ đồng sản kể trên đã bị phá hủy cùng với nhà cửa ở trong có những đồ đạc ấy.

Ta nên nhận những điều sau này :

1-) Sắc lệnh không nói đến việc bồi thường nhà cửa bị tàn phá, mà chỉ nói đến đồng sản, và một thứ đồng sản riêng, là đồ đạc bày biện (*meubles-meublants*), như giường tủ, ghế, bàn..., và những đồ dùng trong nhà (*objets ménagers*) như nồi xan, ấm chén, quần áo... Vậy những hàng hóa của nhà buôn hoặc đồ làm của nhà công nghệ, hoặc những tư trang (*bijsaux*), vàng, bạc, tiền nong không kể vào đây.

2-) Những thứ đồng sản được bồi thường phải là những đồ cần cho việc gây lại gia đình, nghĩa là những đồ đạc chỉ dùng để trang hoàng không được kể như tranh ảnh, đồ cổ, chậu hoa, cây cảnh v. v...

3-) Các đồ đạc bị phá hủy phải để ở trong nhà mà chính cái nhà ấy cũng bị tàn phá, nghĩa là, nói ví dụ nếu đồ đạc đã đóng vào hòm đem gửi một nơi

khác thì nếu nơi đó có bị nạn bom làm hư hại những hòm đồ kia, ng rời chỉ những đồng sản ấy cũng không được trợ cấp.

b) Số tiền trợ cấp

Số tiền trợ cấp nhiều nhất là :

1-) Nhà có hai vợ chồng : 1.500\$.

2-) Người có con phải nuôi nấng (ví dụ : đàn bà góa nuôi con) 1.000\$

3-) Số tiền trên được tăng thêm.

— cứ mỗi con ở trong nhà

— cứ mỗi người thường thường cùng ở một nhà (bố, mẹ, anh, em...)

4-) Những loại nạn nhân khác :

— tiền trợ cấp chính 500\$00.

— tiền tăng, cứ mỗi người ở cùng nhà là 200\$00. (ví dụ : nhà một bà góa chồng ở với các con đã nhớn nhưng chưa có vợ...)

(Những giòng chữ đứng là thêm vào cho rõ nghĩa chứ không có ở trong sắc lệnh.)

Xem ở trên thì số tiền mà nạn nhân được hưởng, chỉ là số tiền trợ cấp, số tiền giúp về một việc nhất định : gây lại gia đình, chứ không phải là số tiền bồi thường sự thiệt hại. Số tiền ấy không tính theo sự thiệt hại mà tính theo sự quan trọng của từng gia đình về số người và số trẻ con cùng theo sự gia đình có còn cả vợ chồng hay không. Và lại số tiền trợ cấp không được lên quá những số đã định cho dầu sự thiệt hại có cao đến bậc nào cũng thế

c) Cách thức xin trợ cấp

Muốn được hưởng trợ cấp, nạn nhân phải đệ đơn lên quan thủ hiến địa phương (Thống Sứ, Khâm Sứ, Thống đốc), kèm theo tất cả những giấy má có thể chứng thực sự thiệt hại, kê khai những đồ đạc bị hư hỏng, giá mua và ngày tháng mua các thứ ấy.

Một ủy ban sẽ xét các đơn và đề nghị những điều kiện. Quan Thủ hiến địa phương dựa vào đó mà

(1) Bài này nối tiếp bài : « Việc bồi thường những tổn hại mà thường dân phải chịu vì chiến tranh » T. N. số 63.

ước lượng số tiền trợ cấp, cho nạn nhân biết số tiền ước lượng ấy, và để trình diện quyết định lên quan Toàn Quyền n duyệt y Nạn nhân, khi nhận được giấy báo của quan Thủ hiến địa phương, trong hạn 16 ngày, được phép đệ lên quan Toàn Quyền một bản trần tình về số tiền trợ cấp do nhà đương chức đã ước lượng.

d) tính cách tạm thời của việc trợ cấp

« Số tiền trợ cấp mà nạn nhân được hưởng theo sắc lệnh ngày 25 mai 1944 sau này sẽ tính trừ vào những món tiền mà họ được lĩnh khi có một đạo luật tổng quát về việc bồi thường những tài sản (động sản và bất động sản) bị tổn hại vì chiến tranh. »

Như vậy việc trợ cấp chỉ là việc tạm thời trong khi đợi đạo luật ấy được ban hành ở Đông Dương (règlementation générale sur les dommages de guerre).

* * *

Ở bên Pháp, việc bồi thường những sự thiệt hại vì tài sản mà thường dân phải chịu vì chiến tranh đã được ấn định do đạo luật ngày 26 Juillet 1941 (dommages de guerre).

Ta cũng nên biết qua sự quy định việc bồi thường ấy như thế nào.

« Những sự thiệt hại, rõ rệt và trực tiếp động sản và bất động sản vì có chiến tranh đều được hoàn toàn đền bồi. Những sự thiệt hại ấy đại để là :

1) Những tài sản bị nhà nước hay quân địch sung công hoặc chiếm cứ những thuế má hay tiền vạ mà tư nhân phải chịu vì chiến tranh

2) những đồ vật bị lấy đi như mùa màng, gia súc, cây cối, nguyên liệu, hàng hóa, đồ đạc, trái phỉ lưu, những đồ vật bị hư hỏng, những đồ vật bị mất giá trị ở trong nước hay ở nước ngoài trong khi chạy loạn hay trở về xứ sở.

3) những nhà cửa, đất đai bị hư hại, hoặc đổ nát. »

Số tiền bồi thường tính như sau này: Về bất động sản, người bị thiệt hại được lĩnh một món tiền tương đương với sự thiệt hại được lượng theo giá trước hồi lòng động binh, thêm vào đấy số tiền phí tổn để tu bổ hoặc xây dựng lại những chỗ bị tàn phá. Số tiền sau này không được hưởng nếu nạn nhân không dùng tiền bồi thường về việc ấy. Về động sản, những sự thiệt hại được đền bồi theo giá những thứ bị mất hoặc hư hỏng tính trước ngày tổng động binh, nếu động sản không phải là những nông sản; về thứ sau, số tiền bồi thường tính theo giá của nó

vào lúc gặt hái. Thêm vào số tiền ấy, số tiền phí tổn nếu phải tiêu thêm mới thay được cái mới.

Những sự thiệt hại đều phải nhận xét và ước lượng do một ủy ban gồm một nhân viên luật pháp (quan tòa, thầy kiện, nô-te) một đại biểu chính phủ một kiến trúc sư, một nông gia, kỹ nghệ gia hay thương gia hay công nhân tùy theo trường hợp.

Số tiền bồi thường nhà nước có thể giả hoặc bằng tiền hoặc bằng cách đổi một động sản hoặc bất động sản có một giá tiền tương đương; nếu là bất động sản thì phải ở cùng một vùng và bất động sản đã bị tàn phá. Nhà nước còn có thể bồi thường bằng cách sửa chữa hay làm lại những vật bị hư hỏng giao cho những vật liệu để tu bổ hay xây dựng lại

Những số tiền nhà nước còn chịu, chưa giả được nhà nước còn phải trả lãi 5 phần trăm cứ ba tháng một cho người được hưởng sự bồi thường.

Bị mất một phần hay cả quyền hưởng bồi thường bất cứ vào lúc nào nếu ai khai mìn hoặc nhượng quyền cho người khác, hoặc dùng số tiền vào một việc khác với việc tu bổ những chỗ bị hư hại khi số tiền bồi thường đã được lĩnh, theo điều kiện ấy,

VŨ ĐÌNH HÒE

Doc sách mới

(Tiếp theo trang 23)

Cha mẹ bảo con, con đừng ngay máng. Câu truyện ở trong nhà mà cho mẹ viết thư cho con, con viết thư hầu cha mẹ, thì gần mà hóa ra xa mất.

Thầy dạy trò, nghiêm phép. Phép tắc có nhất định; việc này lẽ công, không lấy tự tình; biết gian lận là trái, không khi nào lại tự mình làm trái. Ông thầy-phương tây cũng khổ-tâm lắm thay.

Một đảng dùng tình cảm làm chủ động trực-tiếp, một đảng đo lòng nhân đưa đến nghĩa. Hai đảng cùng hay, nhưng khi dùng lẫn thì sinh ra khó khăn

Cho con em ta đọc quyển « Lòng Vàng » Bộ ích lắm lắm cho tâm-thuật. Trước khi chúng đọc, đừng nói gì với chúng sẽ bớt mất cái cảm-dòng của những lòng sa ngã. Nhưng chúng đọc rồi, nên cho chúng biết rằng chúng được hưởng một cách giáo-dục mạnh mẽ, chúng có thể tự-hào được; mà vẫn biết rằng mẹ mình thiết-thà yêu mình.

HOÀNG BẠO THUY -

Xa hoi Việt Nam tu' the ky thu' 17

(Tiếp theo trang 6)

và đi từ Nhật bản sang chúng tôi luôn luôn gặp bão, mất ba chiếc thuyền u thừng và chèo, nên sợ nếu cứ đậu ở bên ấy mãi thì thuyền không chịu được gió to, thỡrợg hội chúng tôi sẽ bị thiệt thòi nhiều và số hàng đem dâng Quốc chủ dùng sẽ bị hư kém đi, nên chúng tôi ước ao kiếm được bến thả neo cho từ tể và xin quân chỉ dùm cho chúng tôi một chỗ đậu chắc chắn. Chúng tôi nói thì đã có thông ngôn dịch ra.

Quan trấn hải đáp lại rằng: « Chắc thế nào việc chúng tôi đến Đàng ngoài cũng làm đẹp lòng quốc chủ; đã cắt một người phi báo rồi, đến mai sẽ cử người thứ hai báo cho để dò biết rằng chúng tôi ước rằng chừng năm sáu ngày nữa sẽ được các quan cai-bạ đến khám hàng và sẽ có. Ông có khuyên chúng tôi nên cho thuyền vào sông và khúc này cũng khá sâu. Chúng tôi có trả lợi đã đo rồi và không đủ nước nên dù phải đỗ bên xấp chúng tôi cũng đánh chịu không lên sông được. Muốn quan trấn hải tin thật, chúng tôi có bảo một tên hoa tiêu người Đàng ngoài đi với người hoa tiêu của chúng tôi dò lại sông.

Quan trấn hải có bảo nếu sông nông quá thì chúng tôi có thể đánh thuyền đến đậu ở « Vương đảo » ? (Konings eiland, Ile du Roi ?).

Sau ông mời chúng tôi ăn cơm bản xứ; cơm xong có cho ăn trầu (pinang). Ông có mời chúng tôi tối nay đặc biệt nghỉ lại dinh ông, chúng tôi kính cần lĩnh ý. Còn ông thì từ biệt chúng tôi rất nhã nhặn rồi trở lại thuyền lấy những tặng vật của chúng tôi, ông đã giao cho một viên qua võ và một quản văn giữ. Tặng vật gồm có

- 1) ba thước rưỡi đồ đồ
- 2) hai tấm sarasses
- 3) hai tấm salemporis
- 4) hai cái gương.

Một lúc sau thì có mấy quan võ đến báo quan trấn hải sáng mai xin nộp lại chỗ tặng vật kia và cho rằng ít ỏi quá. Chúng tôi có nói xin ngài nhận cho đây mới là chút quà của viên thuyền trưởng thôi, chưa phải là quà của thương hội. Khi nào các quan cai-bạ đến và thuyền được vào nơi chắc chắn thì thương hội sẽ biếu ngài một món quà. Chúng tôi có xin ngài chớ cho để bọn chúng tôi không thiệt thòi gì khi đem hàng hóa ngược sông. Quan trấn hải có vẻ hài lòng và không nhắc đến chuyện quà cáp nữa.

(Còn nữa)

NGUYỄN TRỌNG PHẤN dịch

Đã có bán

THƠ DO PHU

MỘT TRONG SÁU BỘ SÁCH TÀI TỬ CỦA TÀU
bản dịch của NHƯNG TÔNG

Một tập thơ vĩ đại dày 400 trang, gồm 362 bài đủ các diện, đủ các vẻ lựa lọc những bài hay nhất trong 1405 bài của thi sĩ, một thiên tài về thơ chẳng những của nước Tàu, của châu Á, mà của cả thế giới, của cả muôn đời. bìa

11550

ở Hanoi sách để bán tại

Tân việt 29, La' lot — HANOI

Sắp phát hành :

HÁT DẠY NGHỆ INH

của NGUYỄN ĐỒNG CHI

NHỮNG SỰ GẶP GỠ CỦA
LÔNG PHƯƠNG VÀ TÂY
PHƯƠNG TRONG NGÔN
NGỮ VÀ VĂN CHƯƠNG

của giáo sư VŨ BỘI LIÊU

SỬ KÝ TỬ MÃ THIÊN

bản dịch của NHƯNG TÔNG

Việc quốc tế

TỪ 15 ĐẾN 22 JUILLET 1944

Mặt trận Á-Đông

Ở *Trung-Hoa*, phi-cơ Nhật vẫn di tấn công các căn cứ không-quân bên địch ở Chi-dương, Cam-châu, Tân-thành, Toai-xuyên, Lương-son, Quế-lâm. Quân đội Nhật vẫn bao vây Hành-dương ở Hồ-nam, và đang tiến trong tỉnh Quảng-đông.

Trên *Thái-bình-dương*, phi-cơ và chiến-hạm Đồng-minh vẫn tấn công xuống đảo Guam, Yap, Rabaul.

Một việc quan trọng là đảo *Saipan* ở quần đảo Mariannes đã thất thủ vào tay Đồng-minh sau khi những đội quân Nhật còn lại rút lui vào một ngọn núi ở cực Bắc và chống giữ đến phút cuối cùng (16-7). Một trung-tướng và hai phó đô-đốc Nhật đã tử trận.

Nội-các Đồng-Điền ở Nhật đã từ chức và Nhật-hoàng đã ủy tướng Kuniaki Koiso. Toà-quyền xử Cao-ly và đô-đốc Mitsumasa Yonai, nguyên thủ tướng đứng ra lập nội các mới. Sự thay đổi trong chính-giới Nhật, theo lời thủ-tướng Đồng-Điền, mục đích để « theo đuổi chiến-tranh cho được mạnh mẽ lên », là vì Đồng-minh chiếm đóng đảo Saipan tức là, như báo *Mỗi-Nhật* tân-văn đã tuyên bố « chiến-tranh đã tới sát liền nước Nhật » vậy.

Mặt trận Ý

Quân Anh-Mỹ vẫn tiến mặc dầu quân Đức kháng chiến mạnh hơn.

Lộ-quân Anh thứ 8 ở phía Đông và khu trung ương đã chiếm được Quarata, Agugliano, Camerata, Monte Varchi và hải cảng Ancône sau khi bị hoàn toàn phi hủy.

Lộ-quân Mỹ thứ 5 lần vượt hạ Poggiboni (thành này bị Đức lấy lại rồi kết cục lại về tay Đồng-minh), San Gimignano, Lorenzana, hải cảng Livourne và đã tiến tới gần thành Pise, cách 15 cây số ở phía Đông.

Đồng thời phi-cơ Đồng-minh đã ném bom xuống những xưởng lọc dầu và những đường giao-thông ở Bắc Ý.

Mặt trận Nga

— Đánh về phía nước *Lettonie*, Hồng-quân từ

Noyosokolniki đã vượt qua đường xe lửa Pskov — Polotsk,

— Đánh về phía nước *Lithuanie* quân Nga đã hạ Vilna (cực thủ đô Lithuanie), và chính trên đất Litkuanie đã hạ Orany, Alyta ở phía Tây-Nam Kaunas kinh đô hiện thời của nước đó.

— Đánh về phía *Đông - Phổ*, quân Xô-viết đã chiếm được Grodno ở biên giới mấy nước Lithuanie, Đông - Phổ và Ba-lan (thuộc Nga). Qua phía dưới những thành Volkovysk, Berestovitsa, Krinki cũng thất thủ.

— Đánh về phía *Brest-Litovsk*, trên đường phân giới Ba-Lan Đức và Ba-Lan Nga, từ Baranovich xuống, Hồng-quân đã chiếm Pruzana, Kleshechelli; và từ Pinsk sang họ chiếm Janovo, Kobryn, Kamienka.

— Khu *Kovel-Lwow*, Nga hạ Brody, Busk, Navaruska, Lubomir, Opalin.

Mặt trận Bắc Pháp

Hiện thời ở hai khu *Saint-Lô* và *Đông-Nam Caen* chiến-tranh lên tới mức dữ-dội nhất. Sức kháng chiến của Đức mạnh mẽ lạ thường.

Sau 5 ngày kịch chiến, tranh nhau từng thước đất, quân Mỹ mới chiếm được *Saint-Lô* một đô thị quan-trọng của vùng Basse Normandie, (18 Juillet).

Trên hữu-ngạn sông Orne một trận chiến xa và quân thiết-giáp lớn đã xảy ra. Sau khi 2000 máy bay dọn đường, những đoàn thiết-giáp Anh đã tràn xuống miền Đông nội Caen (Campagne de Caen) ở giữa khoảng sông Orne và sông Dives; dựa vào dây dỗi Normandie ở phía Nam

Có tin Quốc-trưởng Đức, Hitler, suýt bị một viên đại-tá ám-sát, đang mưu với một số đại-tướng tri-sĩ và võ quan trừ bị. Thủ-phạm đã bị bắn ngay.

— Hàng ngàn phi-cơ Mỹ lại sang đánh các xưởng máy ở Đức, và phi-cơ Anh vẫn sang đánh các nơi chứa và phóng bom bay ở Bắc-Pháp.

D. D. D

LÀNH HỒI

69, phố Hàng Than, HANOI

AO UT SẼ PHÁT HÀNH :

TRƯỜNG CHI

Kịch thơ của VŨ HOÀNG CHƯƠNG

Một truyện tình đẹp,

Những lời thơ đẹp

Trong một tập sách đẹp

In trên giấy thương bạng

Bìa và ba phụ bản của Thi-sĩ ĐÌNH HÙNG

VU' C THAM

Đời một người con gái

của NGUYỄN HỒNG

ĐÃ KHỞI CÔNG :

BÔNG CHU LIỆT QUỐC

25 Juillet sẽ có bán :

Văn Minh Su'

Trong bộ « NHÂN LOẠI TIẾN HÓA SỬ »

của NGUYỄN BÁCH KHOA

- Nhìn suốt con đường tiến-hóa của văn-minh loài người từ đời Thái-cổ đến hiện tại.
- Dò tìm cơ cấu thành hình của các yếu tố văn-minh như : kinh-lẽ chính-trị, tư-tưởng, nghệ-thuật.
- Khám phá mối quan-hệ giữa văn-minh Đông-phương và văn-minh Tây-phương.

Tủ sách « TÂN VĂN HÓA »

HÀN THUYỀN PHÁT HÀNH

= 71, Tien Tsin — Hanoi =

QUỐC HỌC THƯ XÃ

ĐÃ PHÁT HÀNH

LUAN LY

DU THUYET

= YẾU THUẬT =

Giá : 3\$80

SẮP-CÓ BÁN

Nghe thuật và Danh giao

Giá 2\$50

CÒN MỘT ÍT

Không Tử học thuyết	0\$50
Việt Hoa thông sử	5,00
Lịch sử báo chí	2,00
Lược luận về phụ nữ	2,50

TRUNG DUNG

[mới xuất bản]

là một bộ sách, có thể nói, gồm hết cả cá tính vì của triết lý. Không giáo. Đọc

TRUNG DUNG

mà nhận xét cho kỹ, và theo cho đúng, thì hẳn không thành được bậc thánh hiền ít ra cũng học được cái cách để làm người quân tử

TRUNG DUNG

là cái bùa hộ mệnh cho hết thảy mọi người đương bản khoán, ngỡ ngác không biết xoay hướng về một lý tưởng nào ở đời cho chắc.

TRUNG DUNG

nghĩa-lý rất uẩn, ý-từ rất siêu-việt, người mới học khó mà hiểu hết được nên ông Phan-Khương (tác-giả cuốn Trung Quốc Sử Lược) ngoài việc dịch âm, dịch nghĩa lại còn nương theo lời chú của các tiên nho mà giảng giải cho thật rõ ràng.

(có in cả nguyên văn chữ hán)

hạng giấy bản thường 2\$00 (cước 0\$47)

Thư và ngân phiếu gửi về

NHÀ IN MẠI-LINH — HANOI

AUTORISÉ PAR ARRÊTÉ DU GOUVERNEUR GÉNÉRAL DU 1^{er} MAI 1939 N° 3089

Directeur gérant : VŨ ĐÌNH HỒE — Fondateur : ĐOÀN KẾ THIÊN — Imp. spéciale du THANH-NGHI